

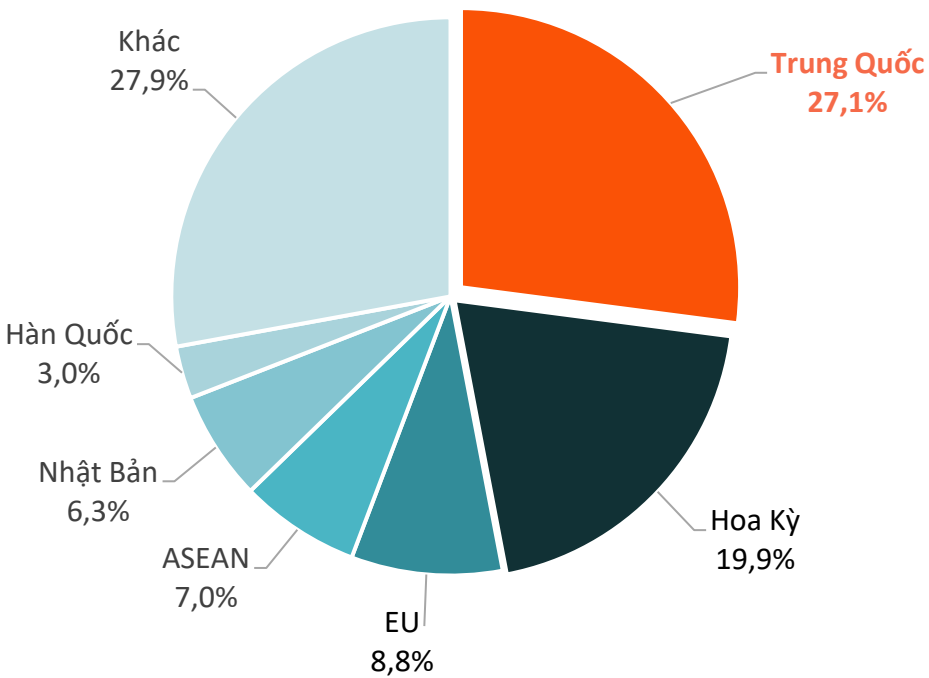
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 7/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc , T7/2026

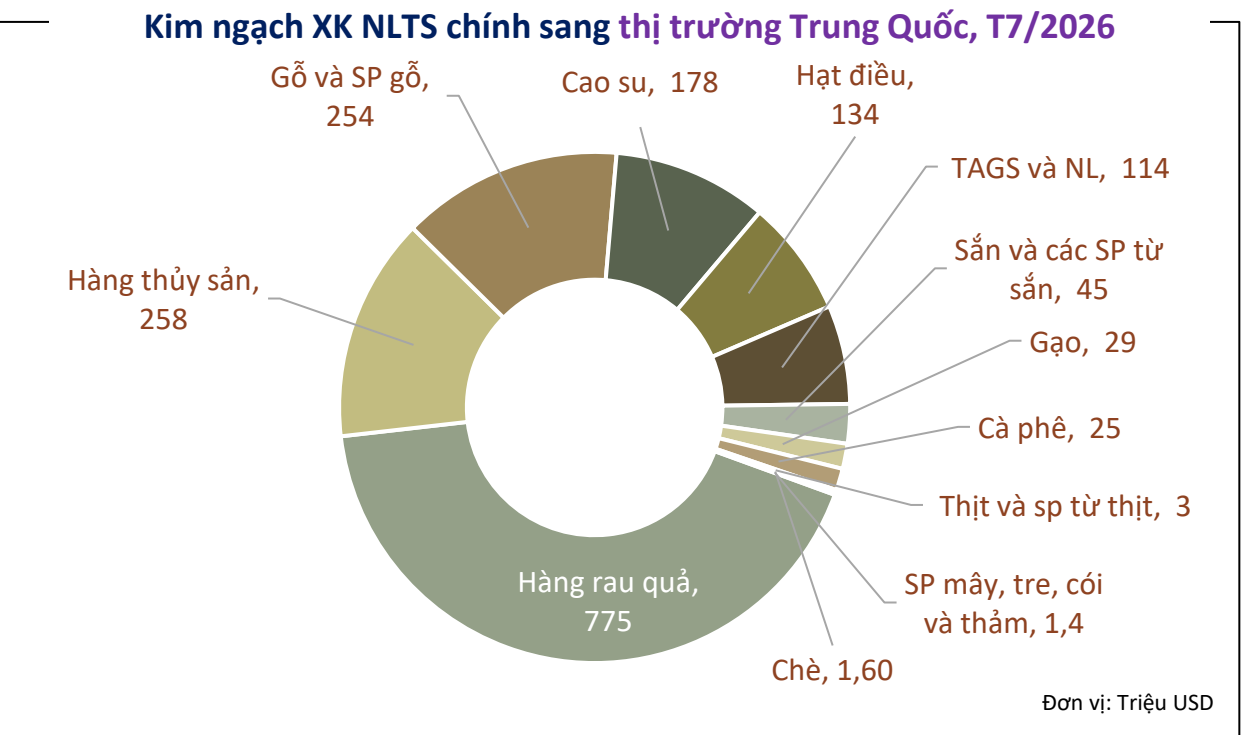
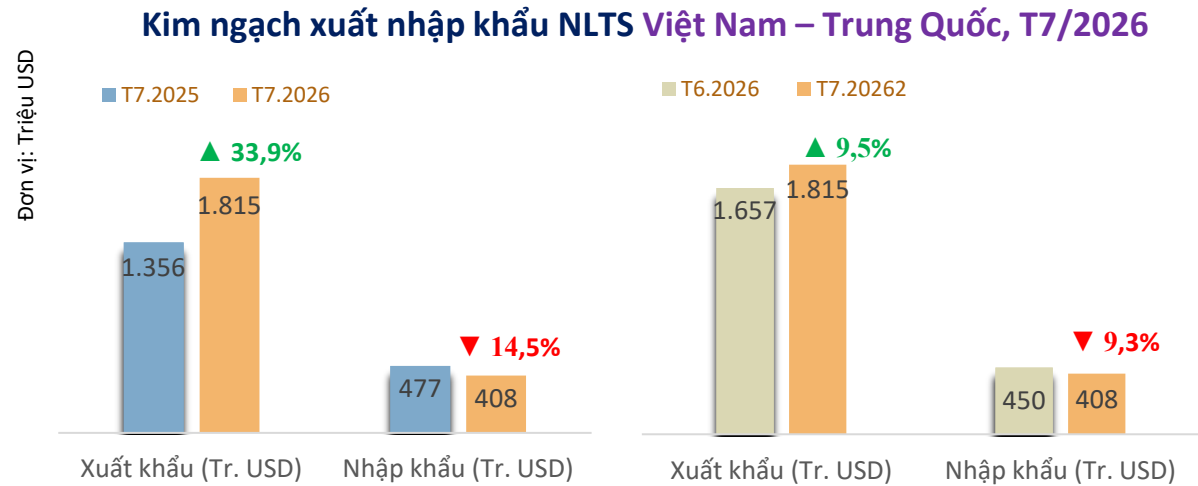


Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc T7/2026 so với T6/2026 và T7/2025

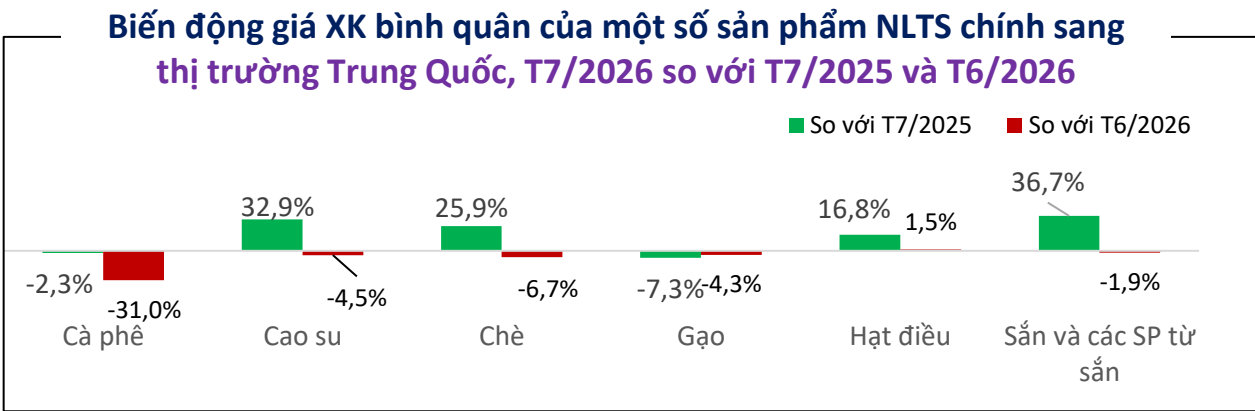
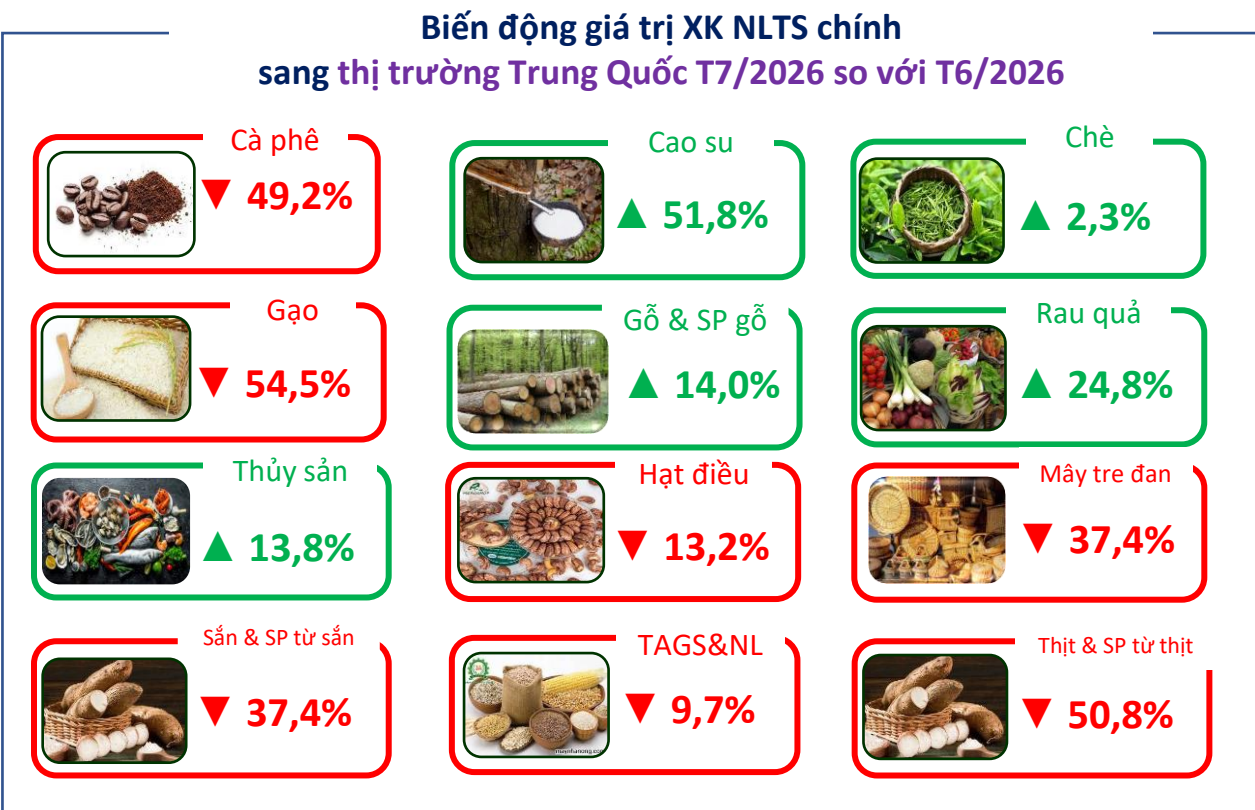
Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T6/2026	So với T7/2025
Trung Quốc	1.815	▲ 1,9%	▲ 4,3%
Hoa Kỳ	1.337	▲ 0,5%	▼ 0,6%
EU	588	▲ 0,5%	▼ 0,4%
ASEAN	467	▼ 2,1%	▼ 1,6%
Nhật Bản	425	▼ 0,5%	▼ 0,3%
Hàn Quốc	204	▼ 0,6%	▼ 0,2%
Tổng XK	6.706		

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 7/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



Kinh tế Trung Quốc giảm tốc trong tháng 7/2026

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, doanh số bán lẻ trong tháng 7/2026 chỉ tăng 0,6% so với cùng kỳ, thấp hơn nhiều so với dự báo 1,5% và giảm so với mức tăng 1% của tháng 6. Đầu tư tài sản cố định tại khu vực đô thị giảm 6,7% trong 7 tháng đầu năm, sâu hơn mức giảm 5,7% trong nửa đầu

năm.

Xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng khi kim ngạch tháng 7/2026 tăng 23,9% so với cùng kỳ, nhờ nhu cầu công nghệ và trí tuệ nhân tạo toàn cầu, trong khi nhập khẩu tăng 27,5%.

Các chuyên gia cho rằng rủi ro suy giảm đang gia tăng, tạo áp lực để Bắc Kinh tăng cường các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bao gồm cắt giảm

lãi suất và mở rộng hỗ trợ đầu tư trong nửa cuối năm 2026.



Nguồn: Baoquocte.vn

Trung Quốc triển khai tài trợ chính sách đầu tiên năm 2026 để thúc đẩy đầu tư

Ngân hàng Phát triển Trung Quốc đã giải ngân đợt đầu 460 triệu nhân dân tệ (khoảng 68,5 triệu USD) của chương trình hỗ trợ để bổ sung vốn cho các dự án xây dựng lớn do khu vực tư nhân đầu tư, bao gồm các dự án sản xuất pin, vật liệu niken–crom cao cấp và hạ tầng giao thông.

Chương trình có quy mô 800 tỷ nhân dân tệ (khoảng 119 tỷ USD), được Chính phủ Trung Quốc công bố từ tháng 3/2026 nhằm bổ sung vốn cho các dự án chiến lược, thúc

đẩy đầu tư tư nhân và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.



Nguồn: Businesstimes.com.sg

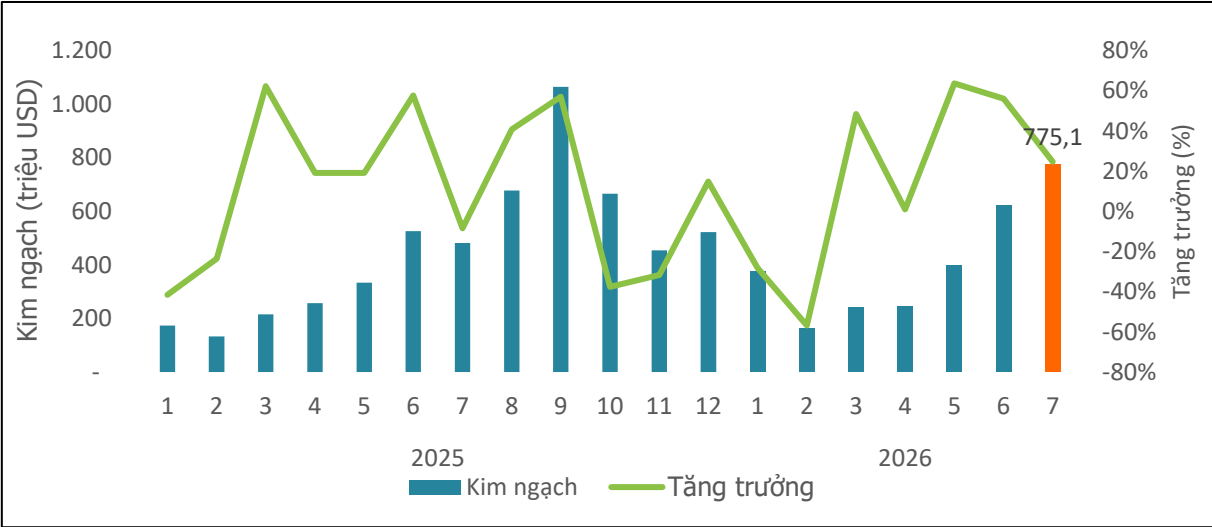


Tin liên quan



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T7/2026



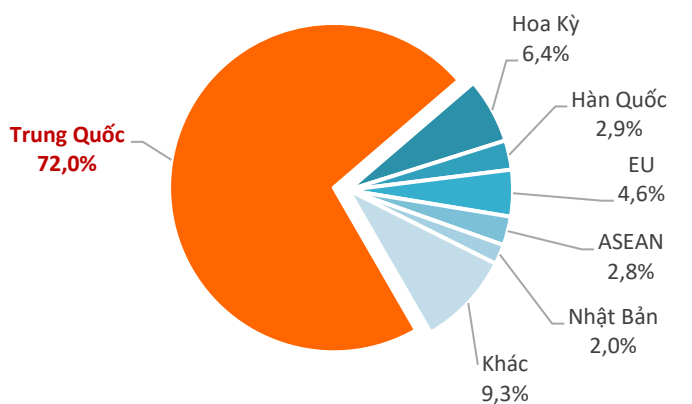
Tăng **24,8%** so với T6/2026

Tăng **60,9%** so với T7/2025

Cao hơn **316,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 7 tháng năm 2026 đạt **2,8** tỷ USD, đạt **51,1%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T7/2026



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T7/2026

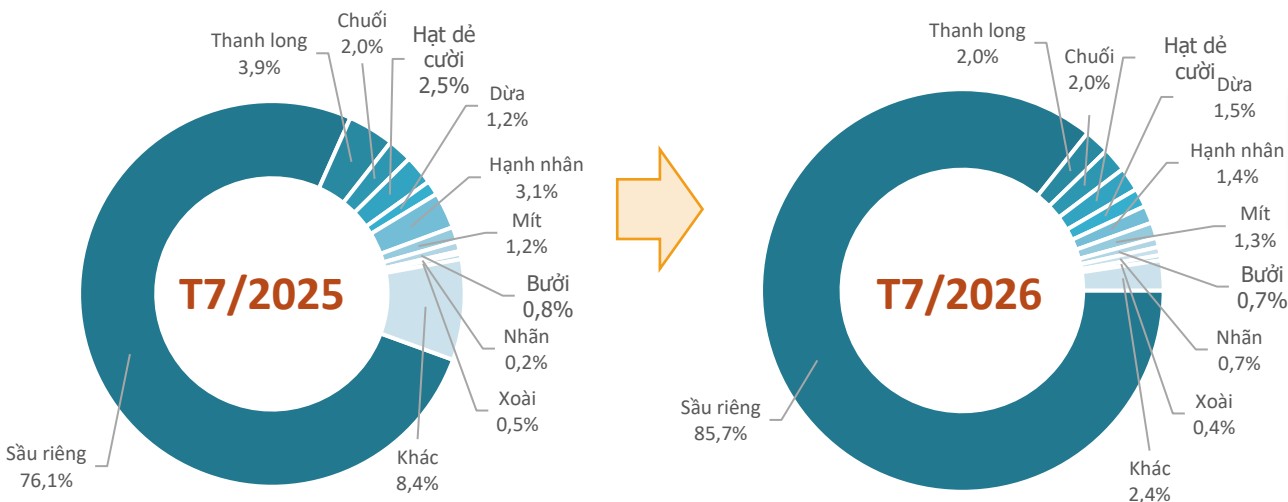


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T7/2026



Sầu riêng

Kim ngạch: **664,3** triệu USD
Tăng **34,6%** so với T6/2026
Tăng **81,1%** so với T7/2025



Thanh long

Kim ngạch: **15,8** triệu USD
Tăng **43,3%** so với T6/2026
Giảm **16,1%** so với T7/2025



Chuối

Kim ngạch: **15,2** triệu USD
Giảm **19,3%** so với T6/2026
Tăng **54,0%** so với T7/2025



Hạt dẻ cười

Kim ngạch: **14,9** triệu USD
Giảm **31,3%** so với T6/2026
Tăng **24,1%** so với T7/2025



Dừa

Kim ngạch: **11,6** triệu USD
Tăng **31,4%** so với T6/2026
Tăng **100,3%** so với T7/2025



Hạnh nhân

Kim ngạch: **11,0** triệu USD
Tăng **107,6%** so với T6/2026
Giảm **25,4%** so với T7/2025



Mít

Kim ngạch: **9,7** triệu USD
Giảm **8,1%** so với T6/2026
Tăng **63,7%** so với T7/2025



Bưởi

Kim ngạch: **5,8** triệu USD
Giảm **8,6%** so với T6/2026
Tăng **46,4%** so với T7/2025



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu
sang Trung Quốc, T7/2026

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang Trung Quốc, T7/2026

1
TOP

9,8%

2

7,1%

3

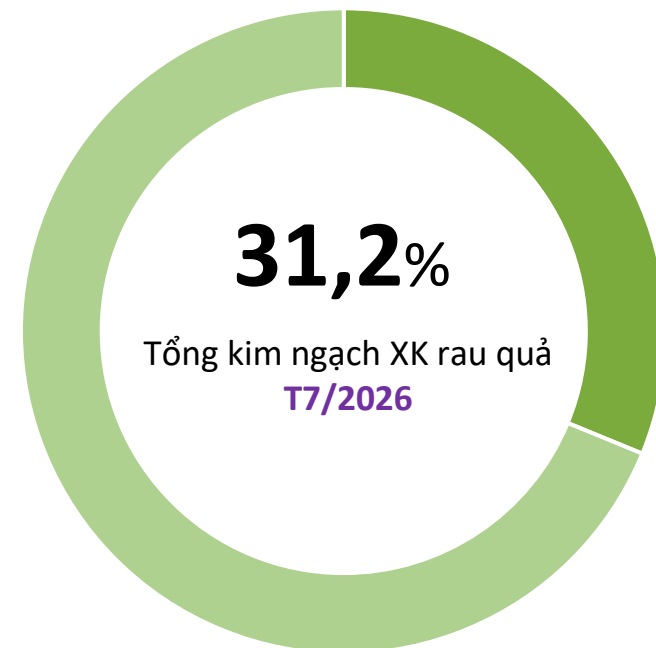
6,7%

4

4,7%

5

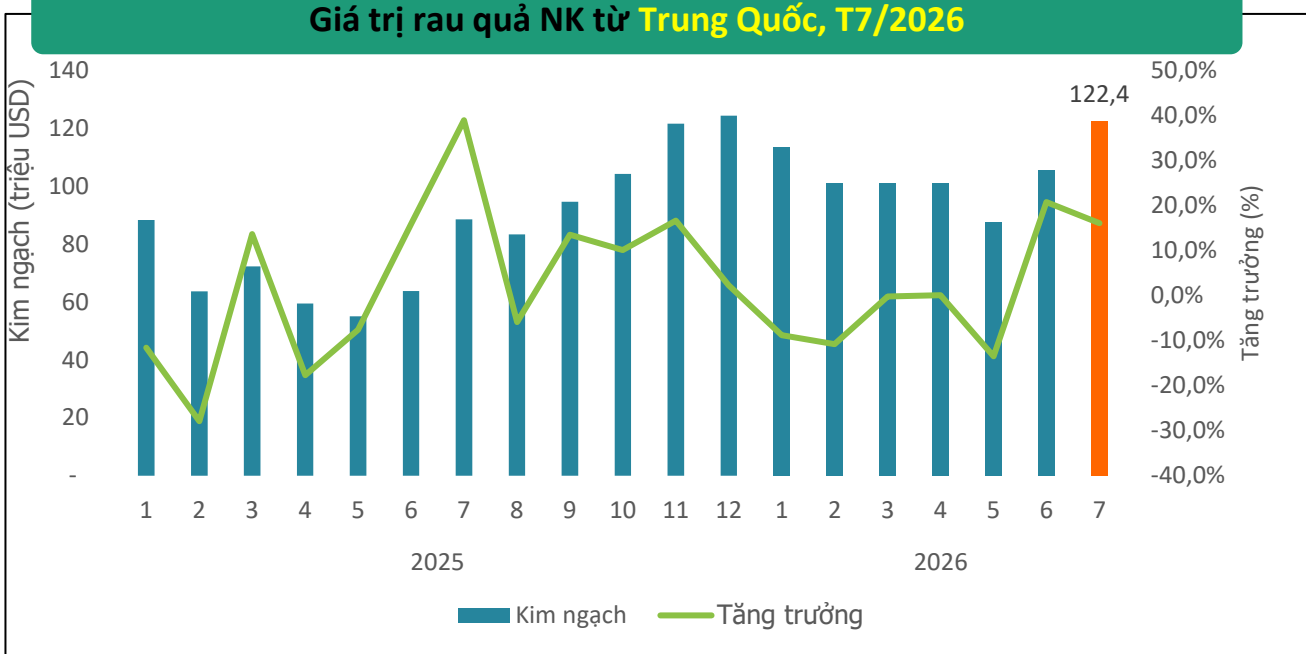
3,0%





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T7/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH



122,4

triệu USD

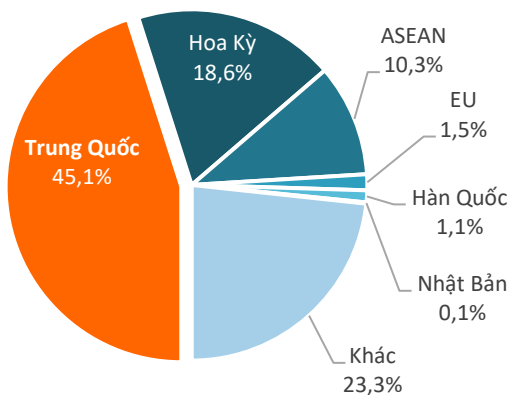
Tăng **16,1%** so với T6/2026

Tăng **38,3%** so với T7/2025

Cao hơn **37,5 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 7 tháng năm 2026 đạt **731,0** triệu USD, đạt **71,7%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T7/2026



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T7/2026

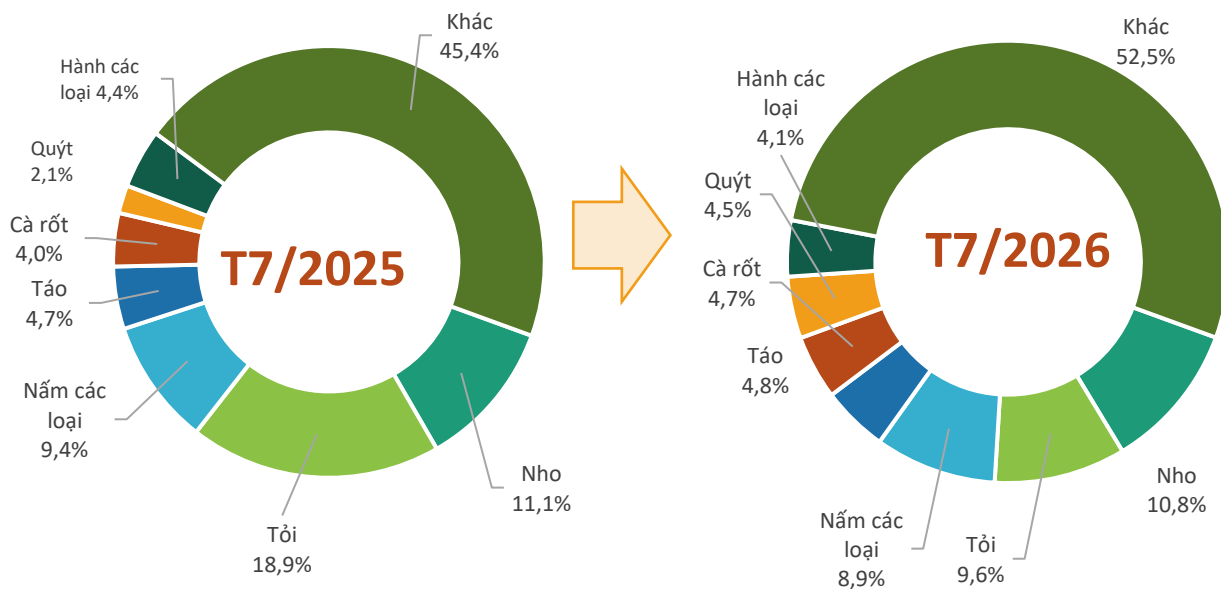


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan



RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T7/2026



Táo

Kim ngạch: **5,9** triệu USD
Tăng **32,6%** so với T6/2026
Tăng **42,9%** so với T7/2025



Cà rốt

Kim ngạch: **5,7** triệu USD
Tăng **6,6%** so với T6/2026
Tăng **62,3%** so với T7/2025



Nho

Kim ngạch: **13,2** triệu USD
Tăng **10,8%** so với T6/2026
Tăng **74,6%** so với T7/2025



Tỏi

Kim ngạch: **11,8** triệu USD
Giảm **12,3%** so với T6/2026
Giảm **29,5%** so với T7/2025



Nấm các loại

Kim ngạch: **10,9** triệu USD
Tăng **14,0%** so với T6/2026
Tăng **30,7%** so với T7/2025



Quýt

Kim ngạch: **5,5** triệu USD
Giảm **43,8%** so với T6/2026
Tăng **197,9%** so với T7/2025



Hành các loại

Kim ngạch: **5,0** triệu USD
Tăng **23,4%** so với T6/2026
Tăng **28,4%** so với T7/2025



Việt Nam và tỉnh Hà Bắc (Trung Quốc) thúc đẩy hợp tác thương mại nông sản

Việt Nam và tỉnh Hà Bắc (Trung Quốc) đang tăng cường hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua mở rộng thương mại, kết nối logistics và phát triển chuỗi giá trị. Việt Nam có lợi thế về trái cây nhiệt đới, trong khi Hà Bắc mạnh về lê, rau, nấm, ngũ cốc và nông sản ôn đới.

Hợp tác logistics được xem là động lực mới trong thương mại song phương. Tuyến đường sắt vận chuyển hàng hóa ASEAN kết nối Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc với Hà Nội khai trương từ tháng 3/2025 giúp rút ngắn thời gian vận chuyển và mở thêm lựa chọn cho xuất khẩu nông sản. Hai bên cũng hướng tới thúc đẩy hợp tác về kho lạnh, vận chuyển chuyên dụng, chuẩn hóa sản xuất, đóng gói, truy xuất nguồn gốc và mở rộng hợp tác trong chế biến sâu, chuyển giao công nghệ, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp.

Nguồn: Vietnamnews.vn



Tin liên quan



Trung Quốc tăng hơn 45% lượng nhập khẩu sầu riêng trong 7 tháng đầu năm 2026

Trong 7 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc nhập khẩu 1,45 triệu tấn sầu riêng, tăng hơn 45% so với cùng kỳ năm trước. Thái Lan tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu với hơn 1 triệu tấn, chiếm 71,4% thị phần, trong khi Việt Nam đứng thứ hai với 401.113 tấn, chiếm 27,7% thị phần.

Hệ thống logistics lạnh phục vụ nhập khẩu sầu riêng được cải thiện đáng kể. Tuyến đường sắt chuỗi lạnh Trung Quốc - Lào - Thái Lan, vận hành thường xuyên từ tháng 3/2026, giúp rút ngắn thời gian vận chuyển trái cây Đông Nam Á vào Trung Quốc xuống khoảng 3 ngày. Sầu riêng được kiểm soát nhiệt độ xuyên suốt quá trình vận chuyển thông qua container lạnh điều khiển từ xa, điểm bốc dỡ chuyên dụng và phương tiện vận tải lạnh, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm tổn thất sau thu hoạch.

Nguồn: Vietnambiz.vn

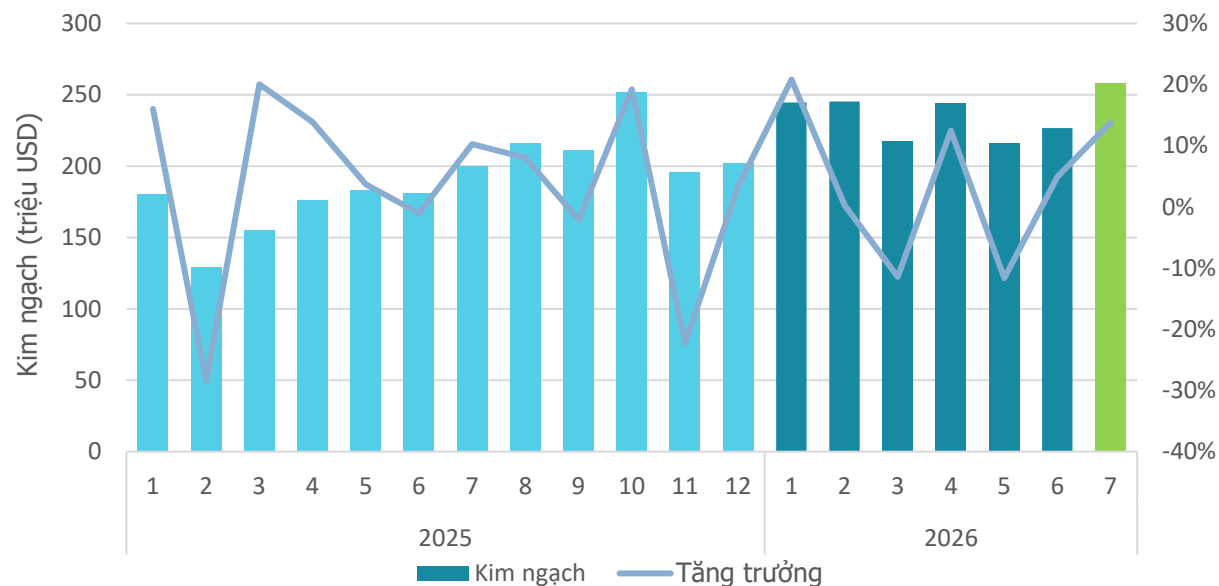


Tin liên quan

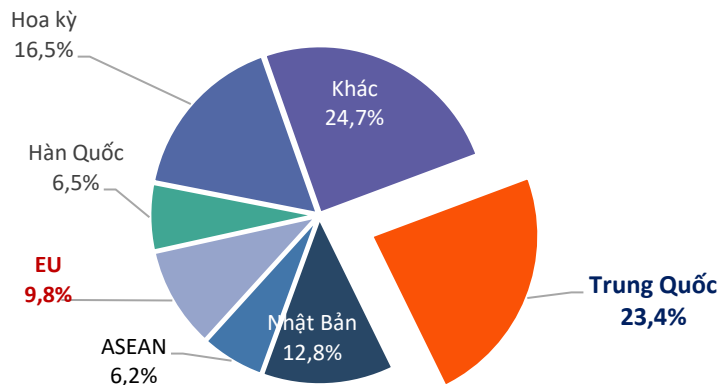


THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH

257,9 triệu USD



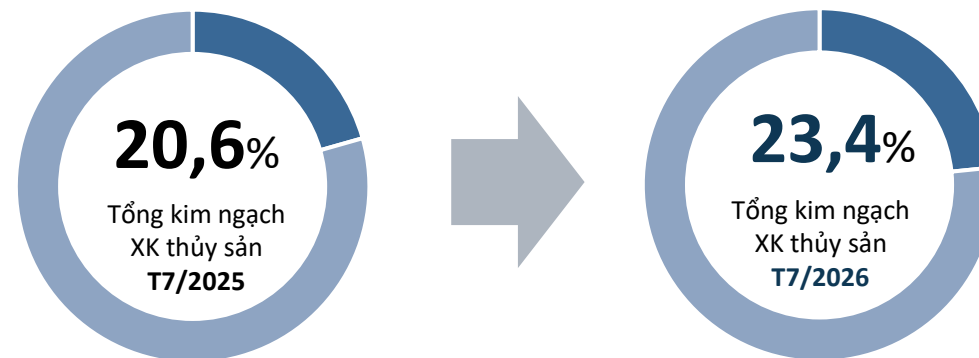
➔ Tăng 13,8% so với T6/2026

➔ Tăng 29,1% so với T7/2025

▲ Cao hơn 72,4 triệu USD so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 7 tháng 2026 đạt 1652,3 triệu USD, Đạt 61,1% kim ngạch 2025

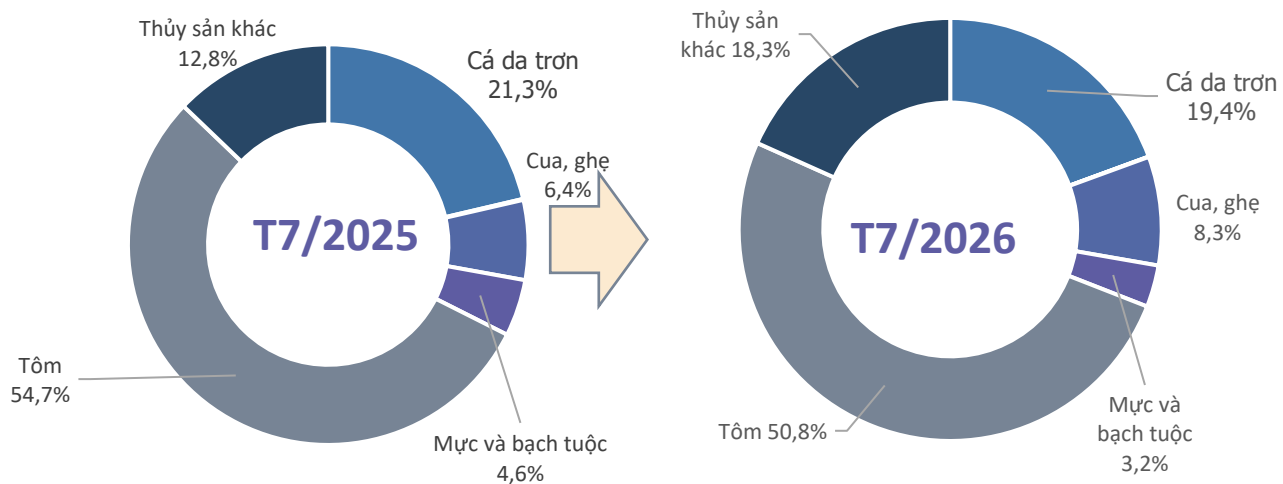
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



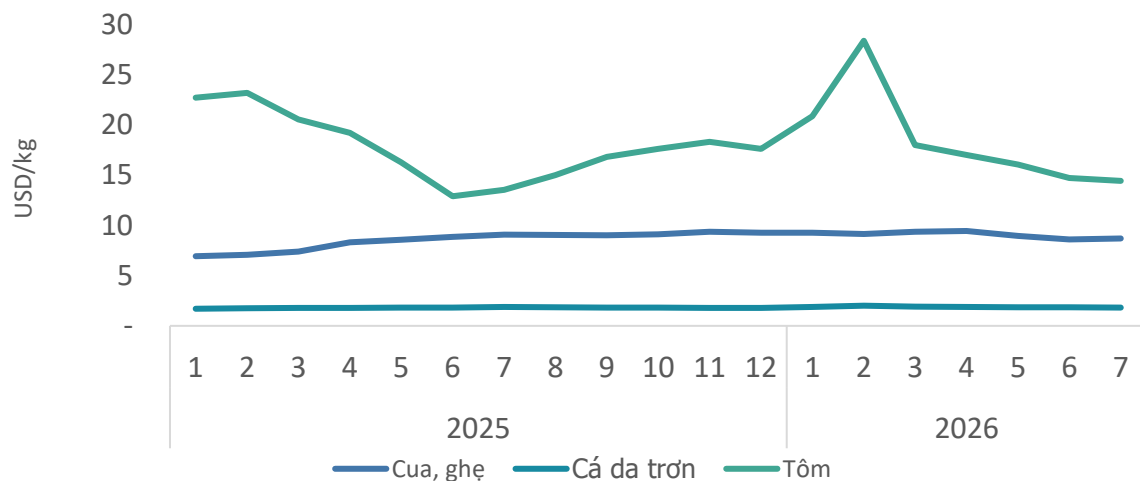


THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Cá da trơn

Kim ngạch: **49,9** Triệu USD

Tăng **9,4%** so với T6/2026

Tăng **17,3%** so với T7/2025



Tôm

Kim ngạch: **130,6** Triệu USD

Tăng **2,1%** so với T6/2026

Tăng **19,6%** so với T7/2025



Cua, ghẹ

Kim ngạch: **21,4** Triệu USD

Tăng **11,7%** so với T6/2026

Tăng **66,5%** so với T7/2025

Cua, ghẹ

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **8,7** USD/kg; **tăng 1,0%** so với tháng trước; và **giảm 4,4%** so với cùng kỳ năm 2025.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **1,8** USD/kg; **giảm 2,0%** so với tháng trước; và **giảm 3,6%** so với cùng kỳ năm 2025.

Tôm

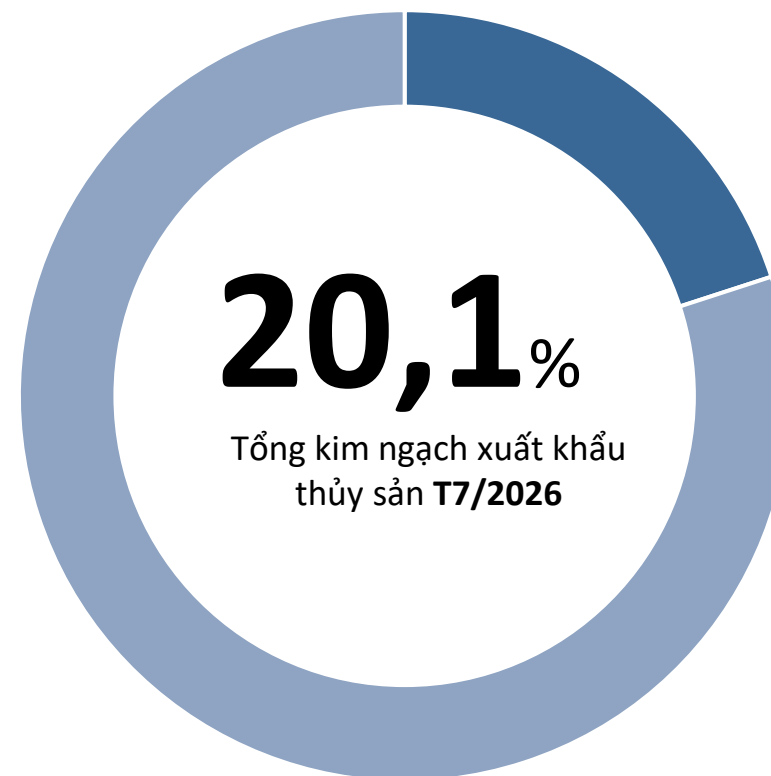
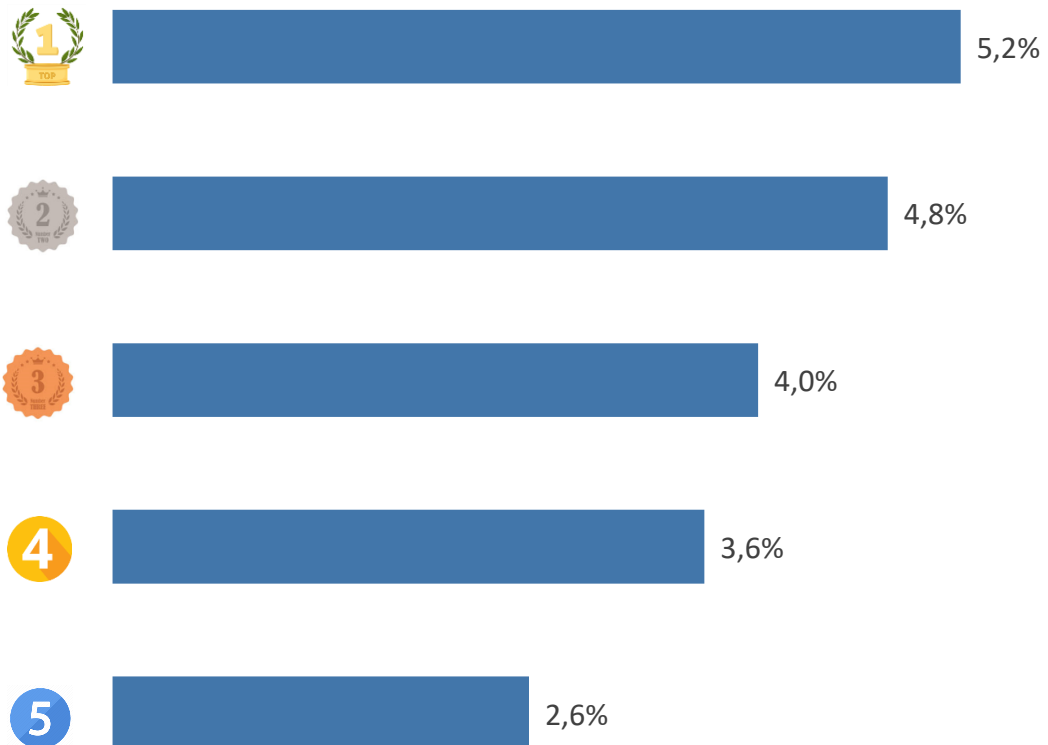
Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **14,4** USD/kg; **giảm 2,0%** so với tháng trước; và **tăng 6,6%** so với cùng kỳ năm 2025.



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T7/2026

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Giá tôm bán buôn tại Trung Quốc giảm do sức mua yếu và tồn kho cao

Thị trường tôm Trung Quốc đang chững lại khi nhiều nhà nhập khẩu tập trung bán bớt lượng hàng đang tồn kho thay vì nhập thêm. Nhu cầu tiêu thụ, nhất là từ nhà hàng và dịch vụ ăn uống thấp nên giao dịch trên thị trường khá chậm.

Tôm thẻ chân trắng Ecuador chịu áp lực giảm giá rõ nhất do nguồn cung lớn nhưng sức mua hạn chế. Người mua Trung Quốc yêu cầu mức giá thấp hơn, trong khi các nhà cung cấp Ecuador gặp khó khăn trong việc giữ giá. Trong ngắn hạn, giá tôm tại Trung Quốc vẫn chủ yếu phụ thuộc vào tốc độ giảm tồn kho và khả năng phục hồi của nhu cầu tiêu dùng.

Nguồn: Vasep



Trung Quốc tăng mạnh nhập khẩu thủy sản từ Nga

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc nhập khẩu 723.000 tấn thủy sản từ Nga, giá trị đạt 2,33 tỷ USD, tăng 14% về lượng và 52% về giá trị so với cùng kỳ năm 2025. Giá trị nhập khẩu tăng nhanh do giá nhập khẩu bình quân cao, kim ngạch nhập khẩu trong 6 tháng tương đương hơn 80% mức của cả năm 2025.

Cá minh thái Alaska đông lạnh là mặt hàng Trung Quốc nhập khẩu nhiều nhất từ Nga, đạt 402.000 tấn, tăng 25%, trị giá 699 triệu USD, tăng 70%. Nhập khẩu cá tuyết đông lạnh cũng tăng mạnh lên 50.000 tấn, trị giá 396 triệu USD, gần gấp đôi cùng kỳ; trong khi cá trích đạt khoảng 110.000 tấn, trị giá 83 triệu USD.

Cua cũng là một trong những nhóm thủy sản có giá trị nhập khẩu lớn của Trung Quốc từ Nga, đặc biệt nhờ phân khúc cua sống có giá trị cao. Trong 6 tháng đầu năm, Trung Quốc nhập khẩu 22.000 tấn cua sống từ Nga, với tổng trị giá lên tới 620 triệu USD; ngoài ra, lượng cua đông lạnh nhập khẩu đạt 3.500 tấn, trị giá 77 triệu USD.

Nhu cầu nhập khẩu tăng mạnh, cùng với giá cá minh thái, cá tuyết và cua cao làm tăng chi phí và gây thêm áp lực lên hoạt động dự trữ, phân phối của các nhà nhập khẩu Trung Quốc..

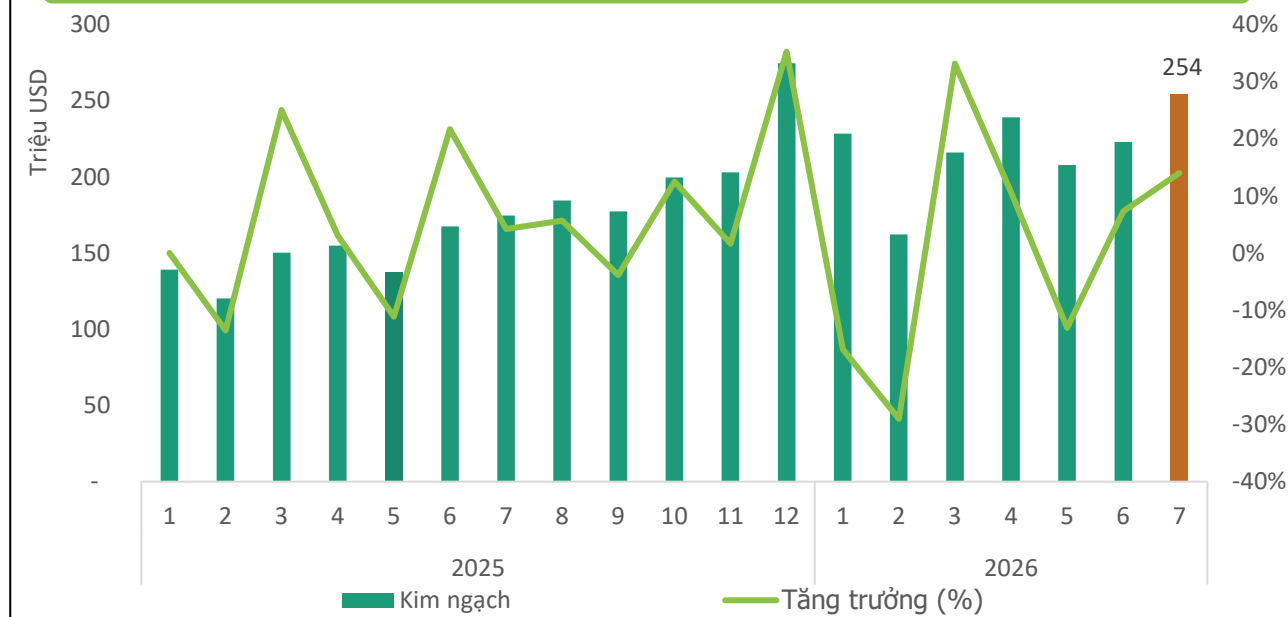
Nguồn: Vasep





GỠ VÀ SP GỠ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH



254

triệu USD

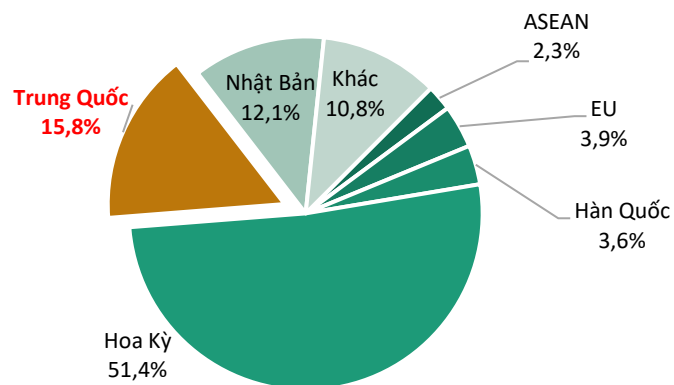
➔ Tăng **14,0%** so với T7/2026

➔ Tăng **45,6%** so với T7/2025

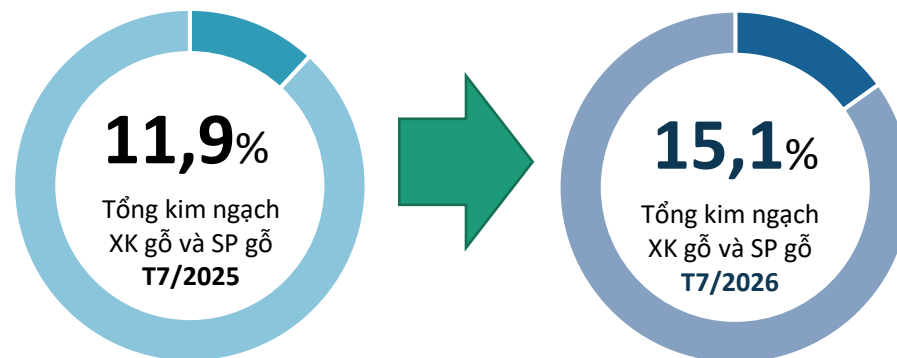
➔ Cao hơn **80,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026 đạt **1,5 tỷ USD**, đạt **73,4%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



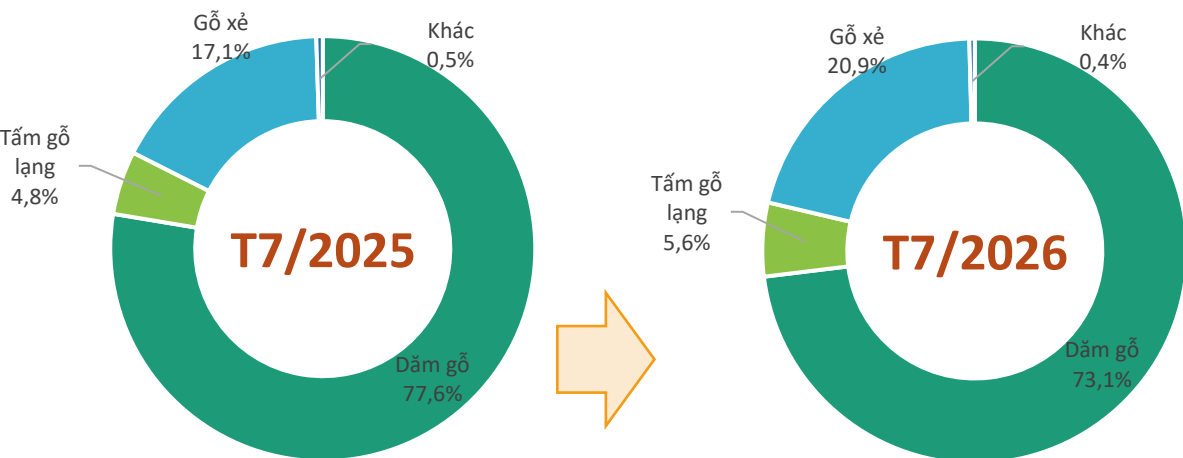
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



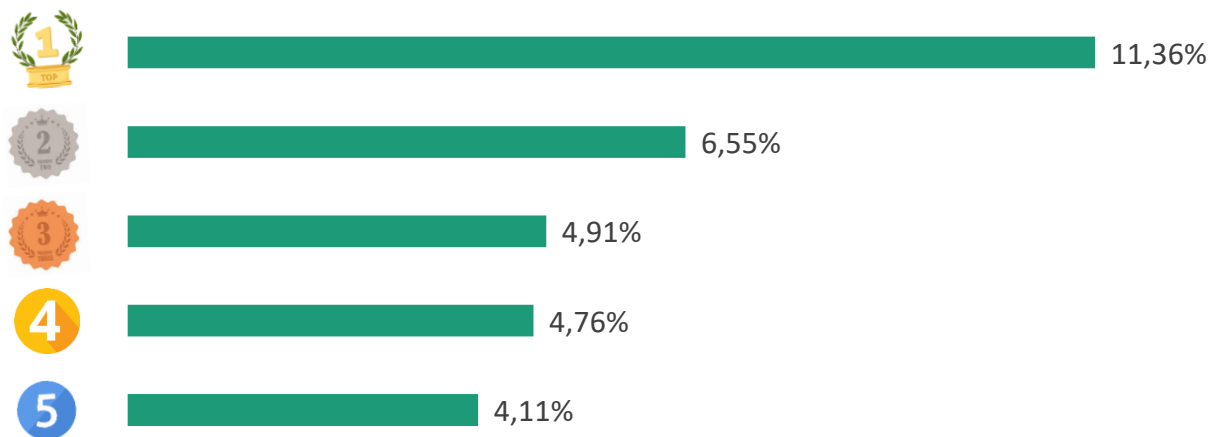


GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Dăm gỗ

Kim ngạch: **154,1** triệu USD

Giảm **1%** so với T7/2026

Tăng **17%** so với T7/2025



Gỗ xẻ

Kim ngạch: **44,1** triệu USD

Tăng **18%** so với T7/2026

Tăng **52%** so với T7/2025



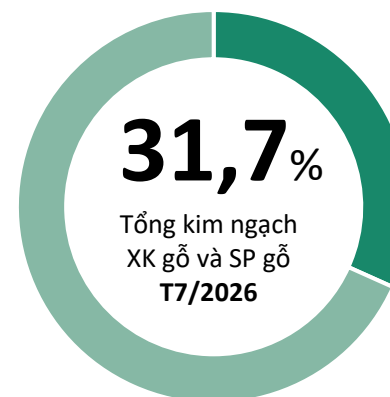
Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **11,8** triệu USD

Tăng **13%** so với T7/2026

Tăng **44%** so với T7/2025

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T7/2026





GỖ VÀ SP GỖ



Tin liên quan

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

Trong tháng 7/2026, Trung Quốc đã nhập khẩu tổng cộng 4,705 triệu m³ gỗ tròn và gỗ xẻ, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 7,5% so với tháng 6/2026; kim ngạch đạt 1,05 tỷ USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ. Trong đó, nhập khẩu gỗ tròn đạt 2,651 triệu m³, tăng 6,2% so với cùng kỳ nhưng giảm 15,8% so với tháng trước. Gỗ xẻ đạt 2,054 triệu m³, giảm 4,8% so với cùng kỳ nhưng tăng 6% so với tháng 6, ghi nhận tháng tăng thứ hai liên tiếp.

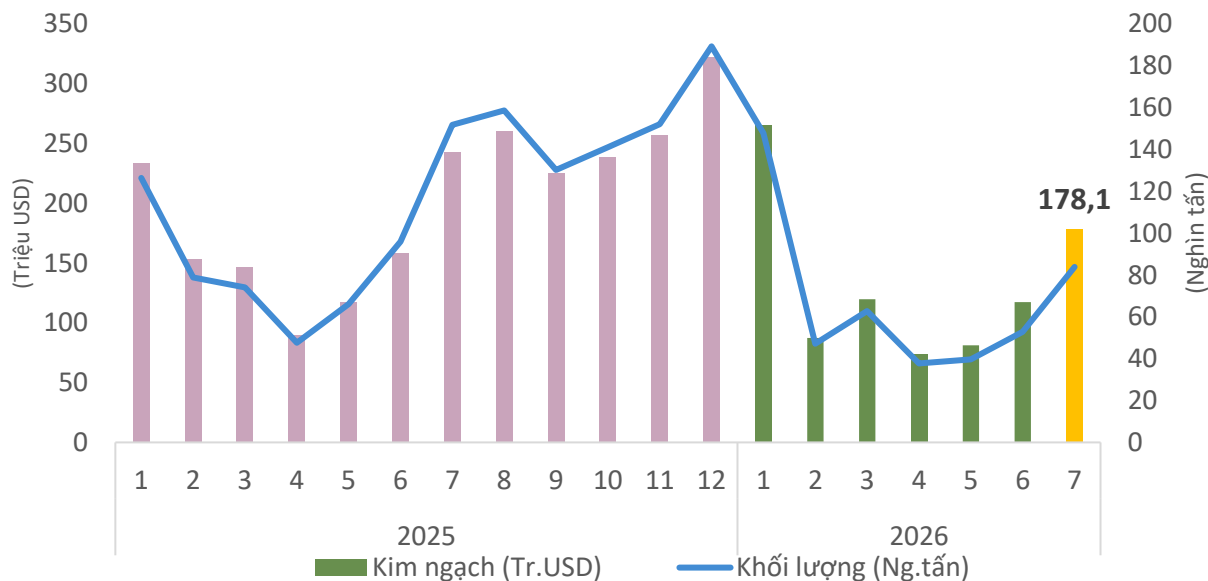
Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc đã nhập khẩu 31,239 triệu m³ gỗ, giảm 6,7% về lượng so với cùng kỳ, trong khi tổng kim ngạch gần như không thay đổi ở mức khoảng 4,626 tỷ USD. Trong đó, nhập khẩu gỗ tròn đạt 18,527 triệu m³, giảm 3,9%, nhập khẩu gỗ xẻ đạt 12,711 triệu m³, giảm 10,4%.

Về xuất khẩu, lượng gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 7/2026 giảm 1,3% xuống 1,44 triệu tấn; tuy nhiên, xuất khẩu đồ nội thất và linh kiện nội thất tăng 5,7% so với cùng kỳ.

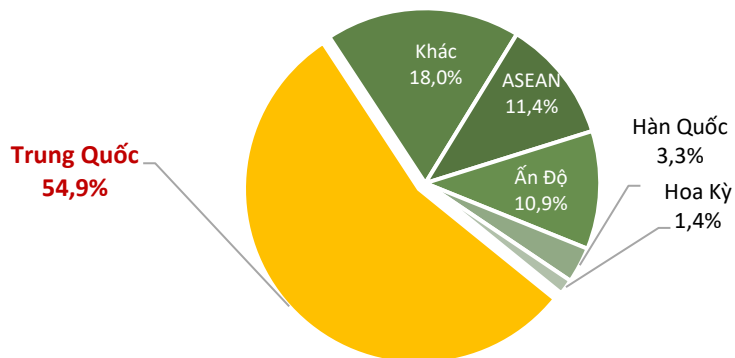


CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH

178,1 triệu USD

↗ Tăng **51,8%** so với T6/2026

↘ Giảm **26,6%** so với T7/2025

↓ Thấp hơn **25,7** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 07 tháng năm 2026 đạt **922** tr.USD, đạt **38%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

83,9 nghìn tấn

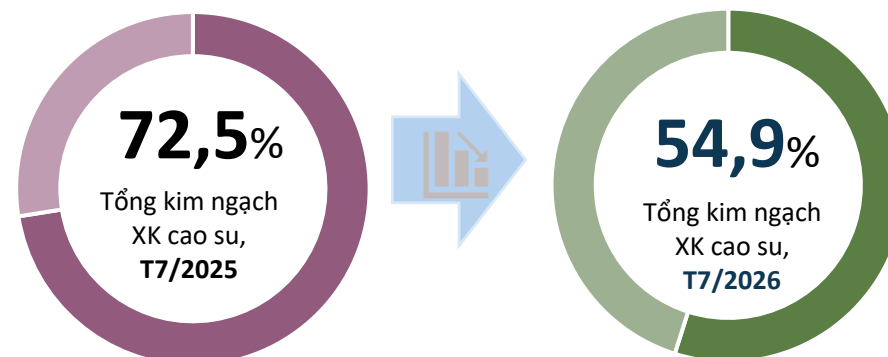
↗ Tăng **58,9%** so với T6/2026

↘ Giảm **44,7%** so với T7/2025

↓ Thấp hơn **33,8** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 07 tháng năm 2026 đạt **472** nghìn tấn, đạt **33%** khối lượng năm 2025

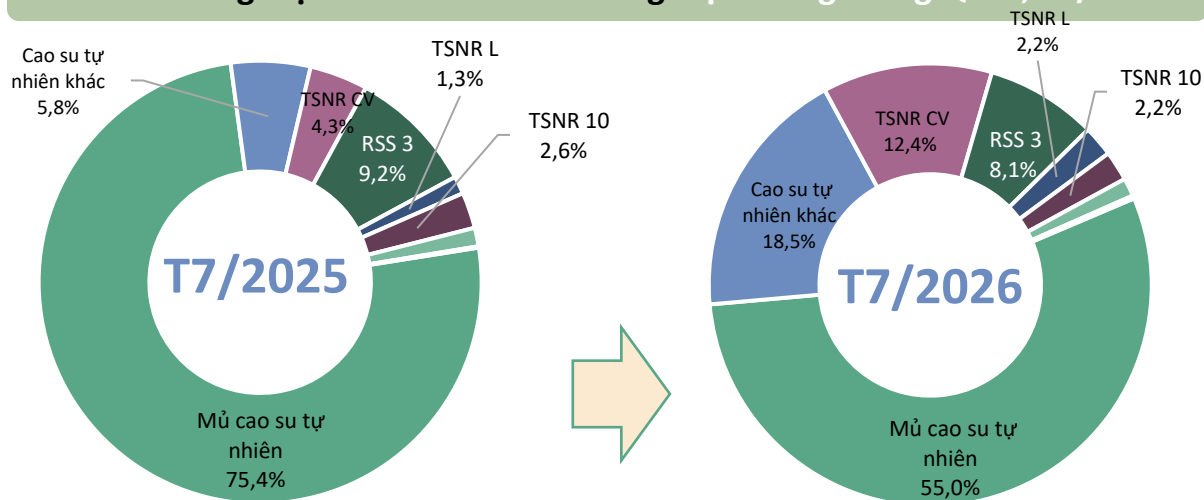
Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



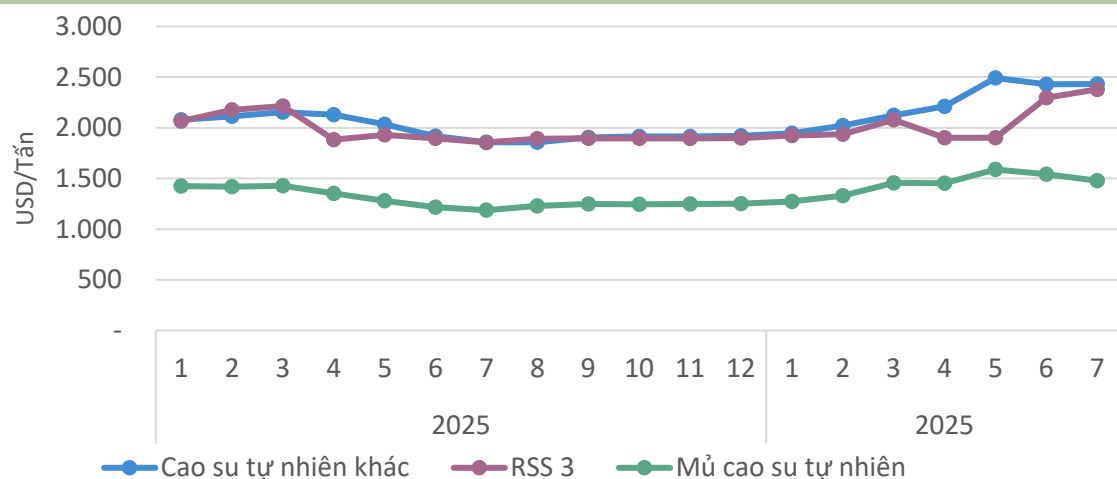


CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **97,9** triệu USD
Tăng **703%** so với T6/2026
Giảm **46,4%** so với T7/2025



RSS 3

Kim ngạch: **14,5** triệu USD
Tăng **63,0%** so với T6/2026
Giảm **35,1%** so với T7/2025



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **33,0** triệu USD
Giảm **28,0%** so với T6/2026
Tăng **134%** so với T7/2025

Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **1.479** USD/tấn; giảm **4,1%** so với tháng trước; và tăng **24,7%** so với cùng kỳ năm 2025.

RSS 3

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **2.378** USD/tấn; tăng **3,7%** so với tháng trước; và tăng **28,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

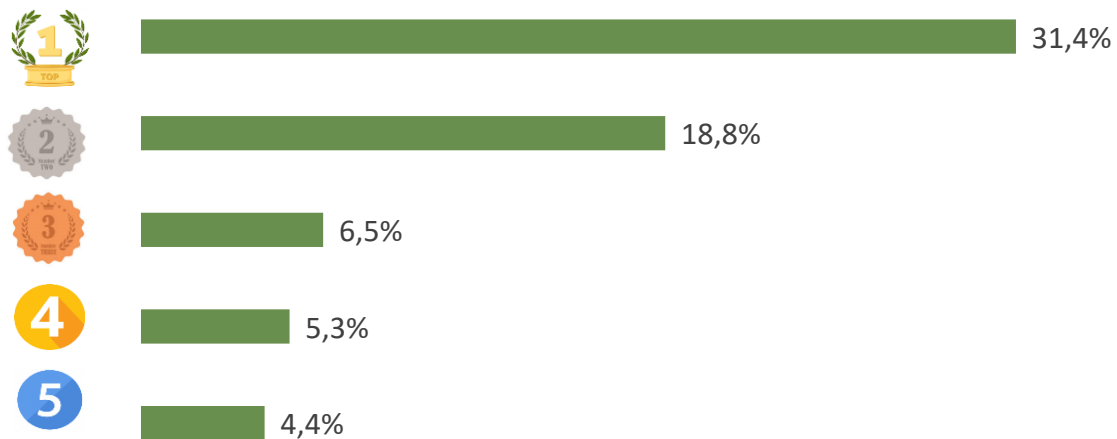
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **2.431** USD/tấn; tăng **0,1%** so với tháng trước; và tăng **30,9%** so với cùng kỳ năm 2025.

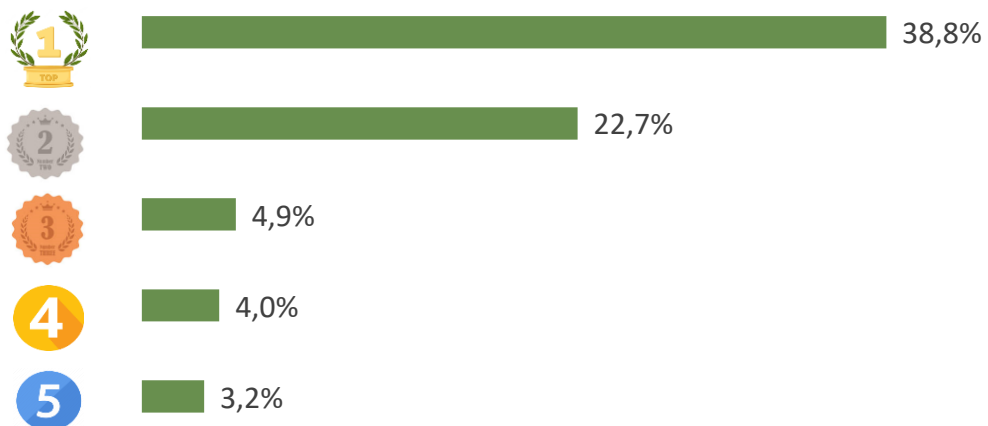


CAO SU

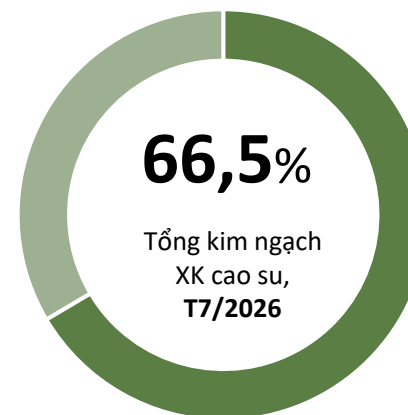
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



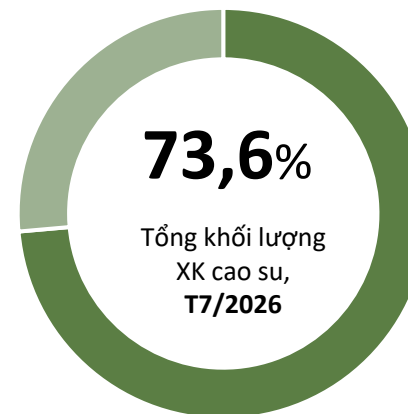
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026





CAO SU

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC

❖ Giá cao su thiên nhiên tại Trung Quốc tăng khá mạnh trong tháng 8/2026

Theo Hiệp hội Cao su thiên nhiên Trung Quốc, giá cao su đã tăng từ khoảng 2.450 USD/tấn vào đầu tháng lên khoảng 2.670 USD/tấn vào ngày 31/8, tương đương tăng 8,95%. Nguyên nhân chủ yếu do mưa lớn tại các vùng trồng cao su ở Thái Lan, Việt Nam, Trung Quốc (Vân Nam và Hải Nam) làm gián đoạn việc khai thác mủ, khiến nguồn cung nguyên liệu thấp hơn dự kiến.

Nguồn: cnraw.org.cn

❖ Nhập khẩu cao su của Trung Quốc giảm trong 8 tháng năm 2026

Trong tháng 8/2026, Trung Quốc nhập khẩu khoảng 579.000 tấn cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, giảm nhẹ khoảng 0,2% so với mức 580.000 tấn của tháng 7/2026. Tính chung 8 tháng năm 2026, Trung Quốc nhập khẩu khoảng 5,095 triệu tấn, giảm khoảng 5,2% so với 5,372 triệu tấn cùng kỳ năm 2025.

Nguồn: qhweb.eastmoney.com



Tin liên quan



CAO SU

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC

❖ Trung Quốc tăng hỗ trợ tài chính cho sản xuất cao su tại Hải Nam

Ngày 05/8, Hải Nam bố trí khoảng 177,97 triệu NDT (khoảng 26,52 triệu USD) cho chương trình áp dụng giống tốt và kỹ thuật canh tác tiên tiến đối với cao su thiên nhiên. Chương trình năm 2026 tập trung cải tạo vườn cao su già cỗi, năng suất thấp, mở rộng giống tốt, chuẩn hóa chăm sóc và nâng năng suất vùng nguyên liệu.

Nguồn: agri.hainan.gov.cn

❖ Tồn kho cao su tại Thanh Đảo vẫn ở mức cao

Lượng cao su thiên nhiên tồn kho tại khu vực Thanh Đảo (Trung Quốc) tiếp tục giảm trong tháng 8/2026. Đến ngày 23/8, tồn kho còn khoảng 631.500 tấn, giảm 1,65% so với kỳ trước; đến cuối tháng tiếp tục giảm xuống khoảng 627.700 tấn. Dù vậy, lượng tồn kho hiện vẫn cao hơn khoảng 30% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy nguồn cung trên thị trường vẫn khá dồi dào và áp lực tồn kho chưa được giải tỏa hoàn toàn.

Nguồn: cnraw.org.cn

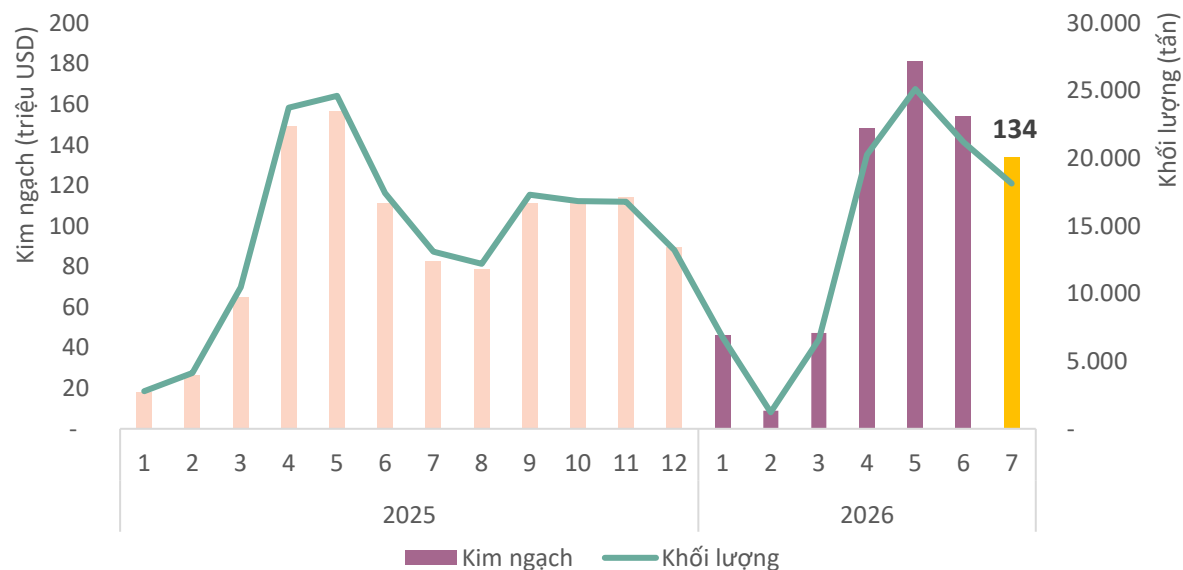


Tin liên quan

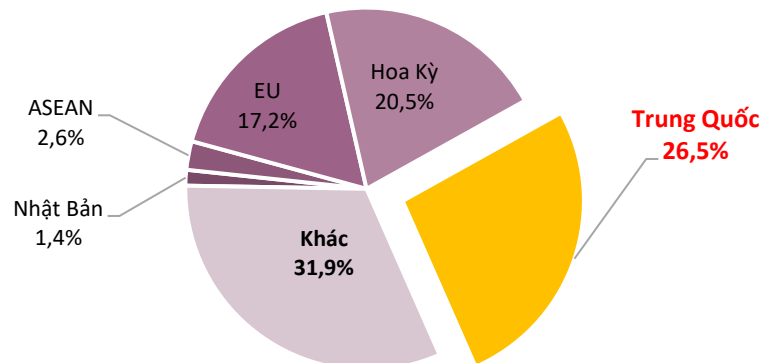


HẠT ĐIỀU

Khối lượng và giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Tỷ trọng giá trị hạt điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH

133,7 triệu USD

↘ Giảm **13,2%** so với T6/2026

↗ Tăng **61,6%** so với T7/2025

↑ Cao hơn **40,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 07 tháng năm 2026 đạt **719 triệu USD**, đạt **64,5%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

18,1 nghìn tấn

↘ Giảm **14,5%** so với T6/2026

↗ Tăng **38,3%** so với T7/2025

↑ Cao hơn **3,7 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 07 tháng năm 2026 đạt **99 nghìn tấn**, đạt **57,5%** khối lượng năm 2025

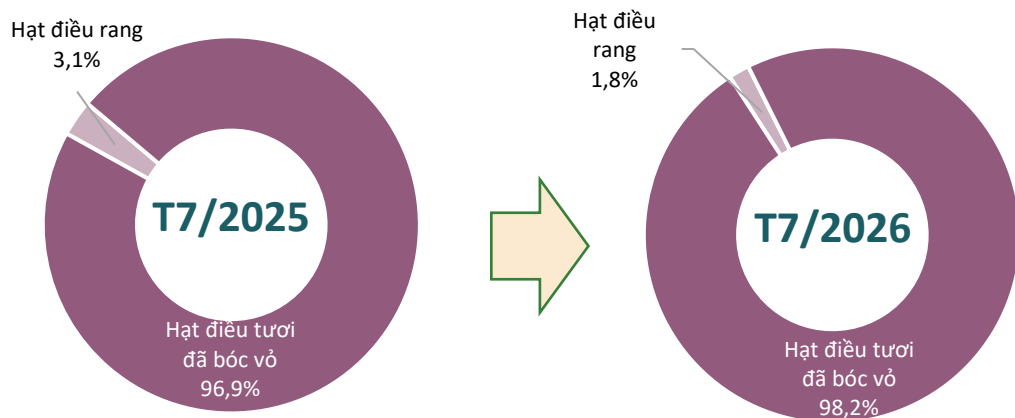
Biến động tỷ trọng giá trị hạt điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



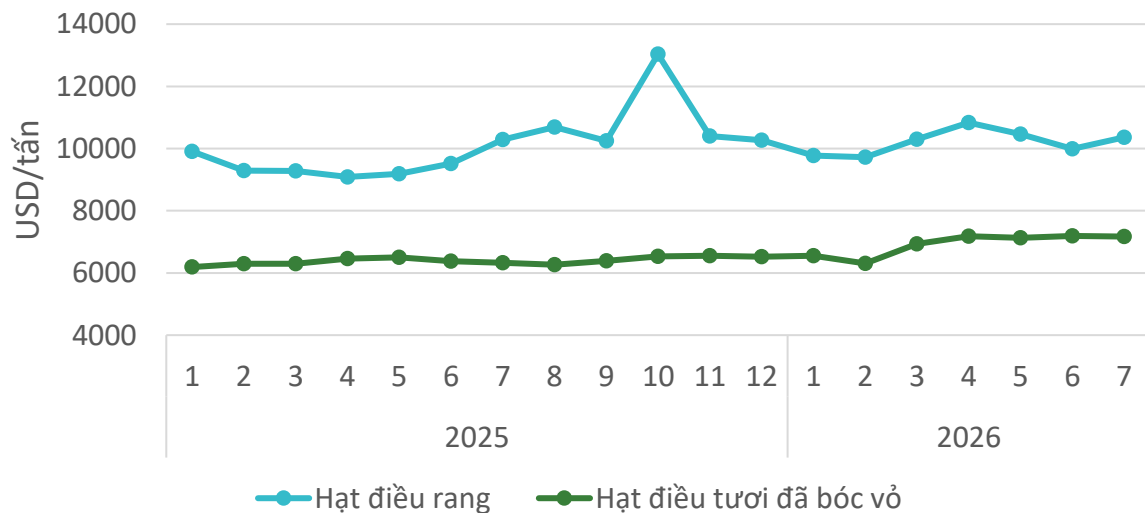


HẠT ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Giá hạt điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **131,3** triệu USD

Giảm **13,7%** so với T6/2026

Tăng **63,1%** so với T7/2025



Hạt điều rang

Kim ngạch: **2,4** triệu USD

Tăng **7,5%** so với T6/2026

Giảm **6,9%** so với T7/2025

Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **7.171** USD/tấn **giảm 0,3%** so với tháng trước; và **tăng 13,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

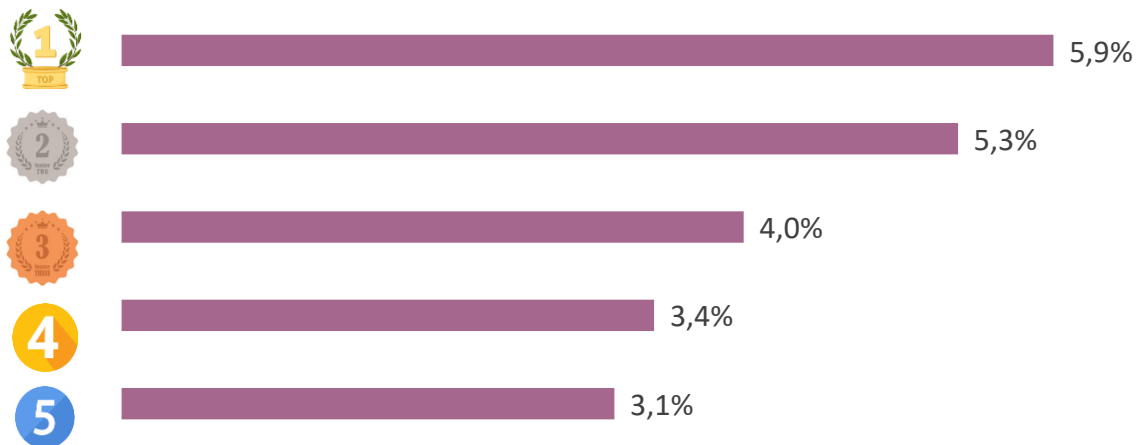
Hạt điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **10.364** USD/tấn; **tăng 3,7%** so với tháng trước; và **tăng 0,7%** so với cùng kỳ năm 2025.

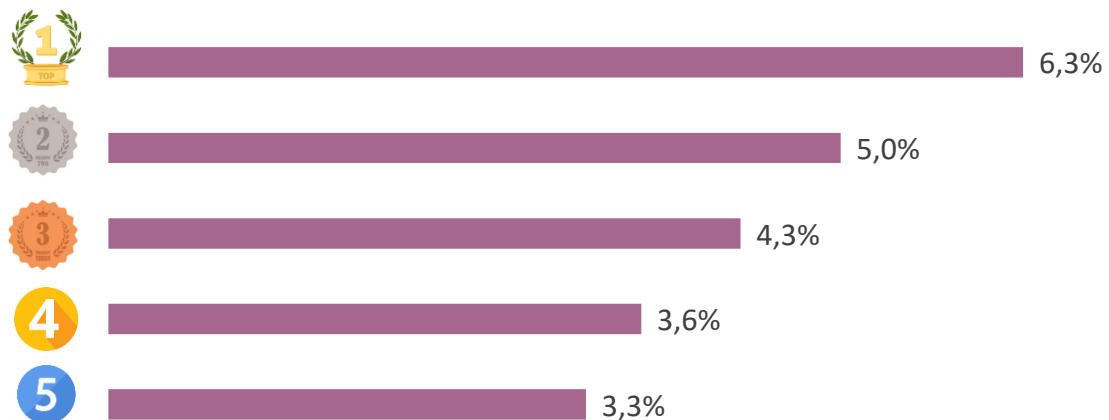


HẠT ĐIỀU

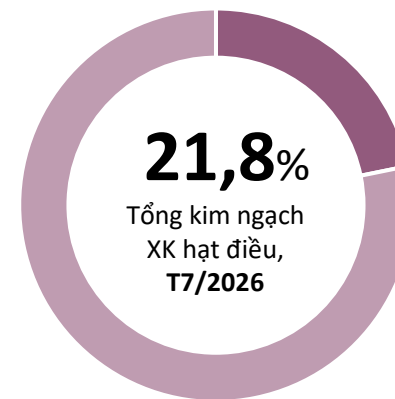
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



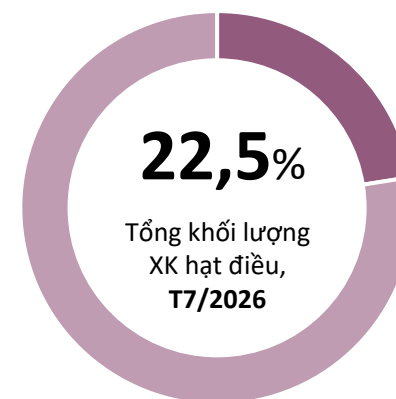
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026





Campuchia đẩy mạnh chế biến sâu, hướng mạnh vào thị trường hạt điều Trung Quốc

Campuchia đang chuyển hướng từ xuất khẩu điều thô sang tăng chế biến trong nước, đồng thời xác định Trung Quốc là thị trường chiến lược quan trọng. Hiện hơn 90% điều thô của Campuchia vẫn xuất sang Việt Nam để chế biến, nhưng nước này đặt mục tiêu nâng tỷ lệ chế biến nội địa từ khoảng 5% hiện nay lên 25% vào năm 2027 và 50% vào năm 2032. Lợi thế của điều Campuchia là hạt lớn, màu sáng, vị ngọt, phù hợp thị hiếu người tiêu dùng Trung Quốc.



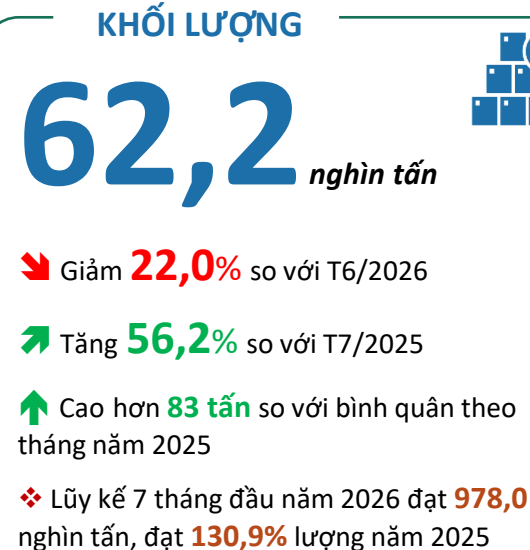
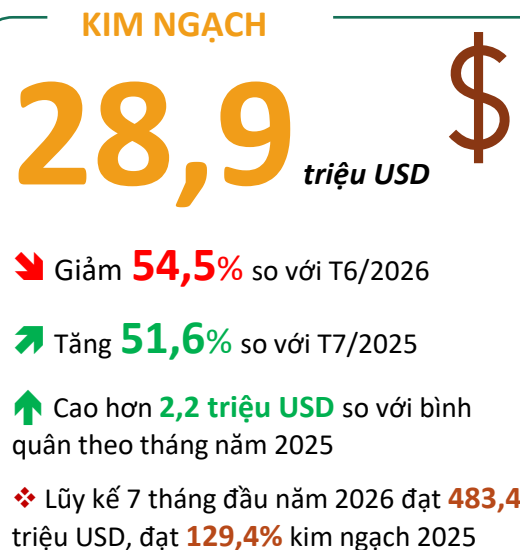


LÚA GẠO

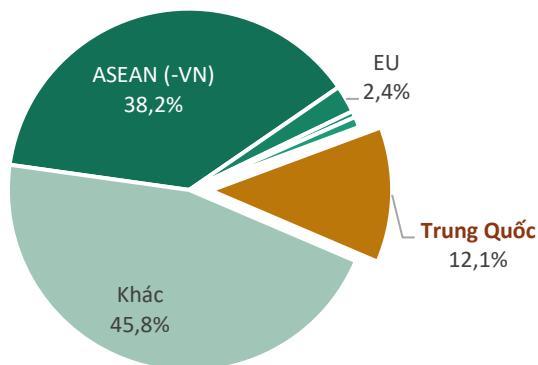
Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



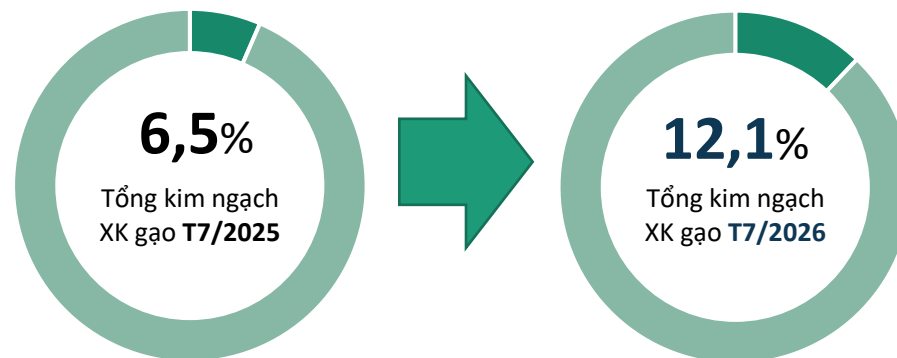
Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



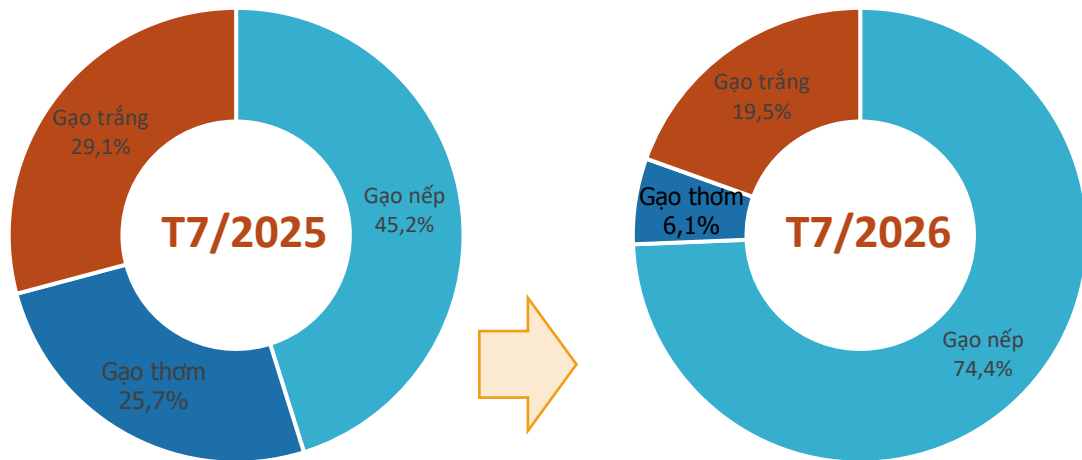
Biến động tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



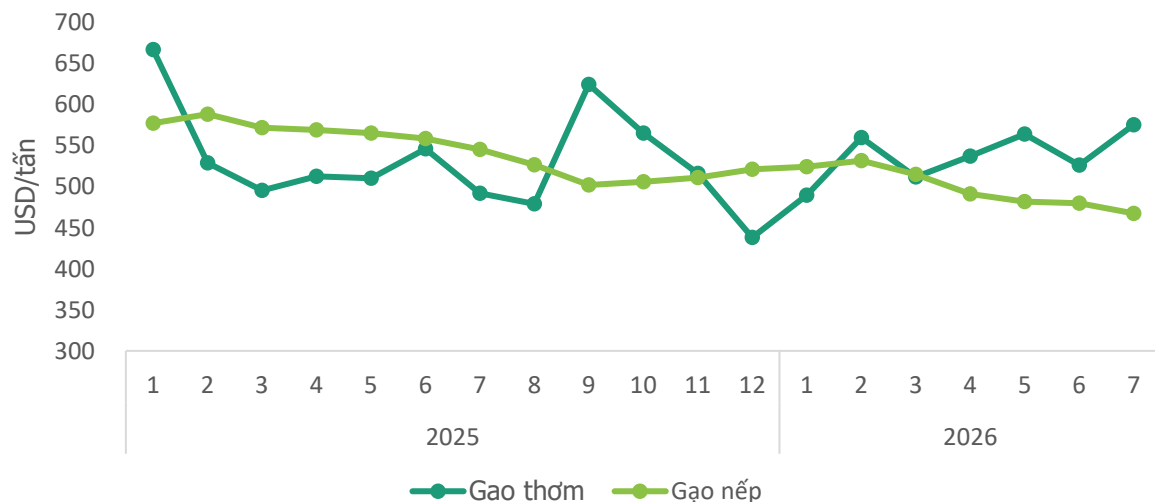


LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Gạo nếp

Kim ngạch: **20,0** triệu USD
Giảm **45%** với T6/2026
Tăng **78%** so với T7/2025



Gạo thơm

Kim ngạch: **1,6** triệu USD
Giảm **85%** so với T6/2026
Tăng **74%** so với T7/2025



Gạo trắng

Kim ngạch: **5,2** triệu USD
Giảm **62%** so với T6/2026
Tăng **27%** so với T7/2025

Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **468** USD/tấn; giảm **3%** so với tháng trước; và giảm **14%** so với cùng kỳ năm 2025.

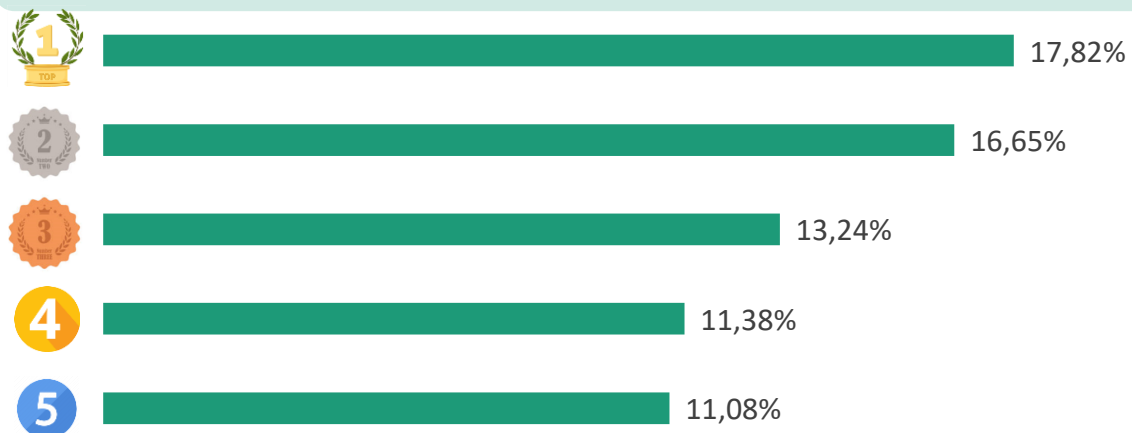
Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **575** USD/tấn; tăng **9%** so với tháng trước và tăng **17%** so với cùng kỳ năm 2025.

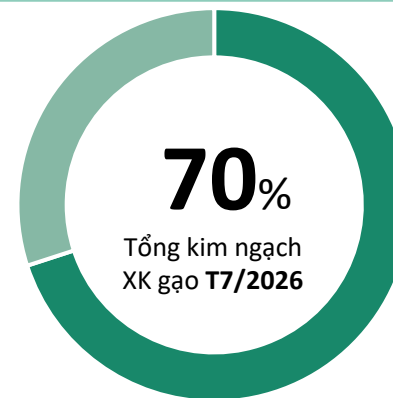


LÚA GẠO

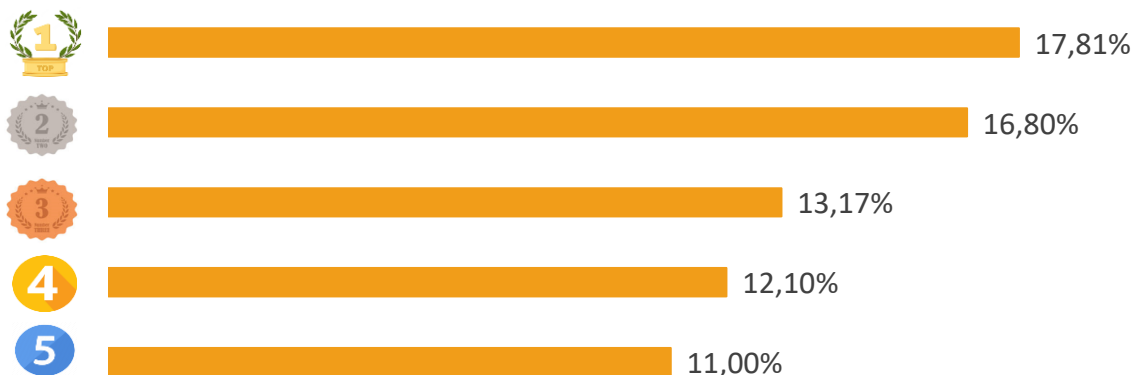
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



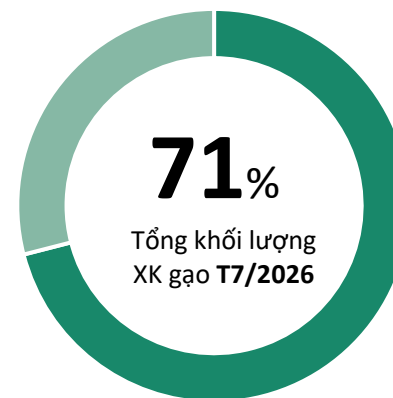
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026





LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO TRUNG QUỐC



Sản lượng lúa vụ sớm của Trung Quốc năm 2026 đạt 28,29 triệu tấn, tiếp tục duy trì trên 28 triệu tấn năm thứ sáu liên tiếp. Diện tích gieo trồng đạt 71,164 triệu mẫu Trung Quốc (4,744 triệu ha), tăng 22.000 mẫu (1.467 ha) so với năm 2025. Sản lượng giảm 220.000 tấn, tương đương 0,8%, do năng suất bình quân giảm 0,8% xuống 397,6 kg/mẫu (5,96 tấn/ha).

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, điều kiện thời tiết nhìn chung thuận lợi sau gieo trồng, nhưng mưa lớn kéo dài và bão sau đó đã ảnh hưởng đến sản xuất tại một số vùng trồng lúa chính ở miền Nam Trung Quốc.

Nguồn: stats.gov.cn

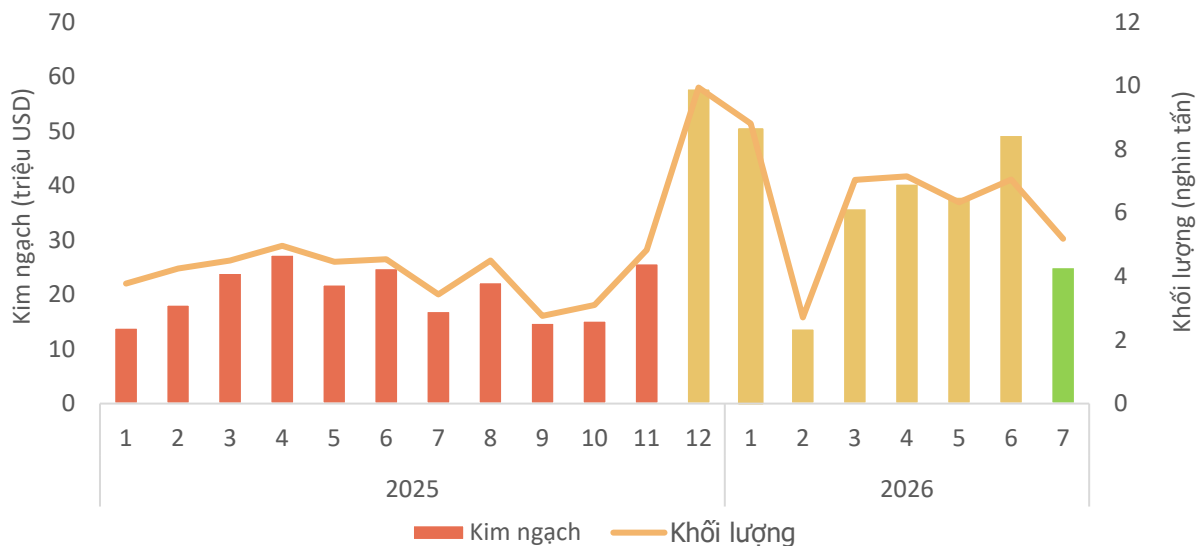


TIN LIÊN QUAN



CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê VN sang thị trường Trung Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH

25 triệu USD

↗ Giảm **49,2%** so với T6/2026

↗ Tăng **47,3%** so với T7/2025

↗ Cao hơn **1,5 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Giá trị xuất khẩu 7 tháng năm 2026 đạt **252,5** tr.USD, đạt **89,3%** kim ngạch 2025.

KHỐI LƯỢNG

5,2 nghìn tấn

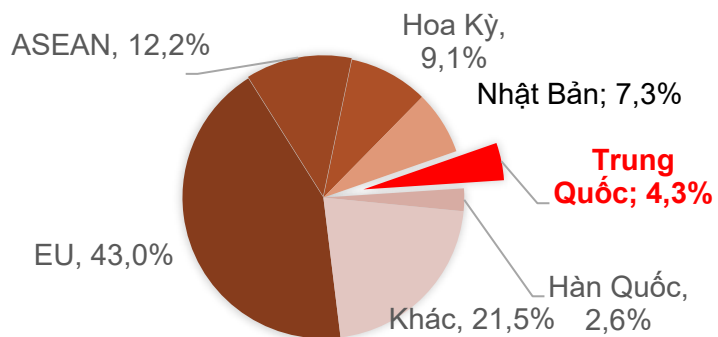
↗ Giảm **26,4%** so với T6/2026

↗ Tăng **50,8%** so với T7/2025

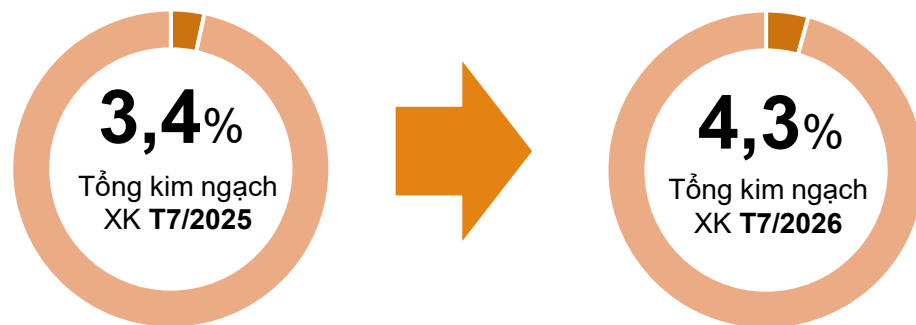
↗ Cao hơn **0,6 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Khối lượng xuất khẩu 7 tháng năm 2026 đạt **44,3** nghìn tấn, đạt **80,4%** lượng năm 2025.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



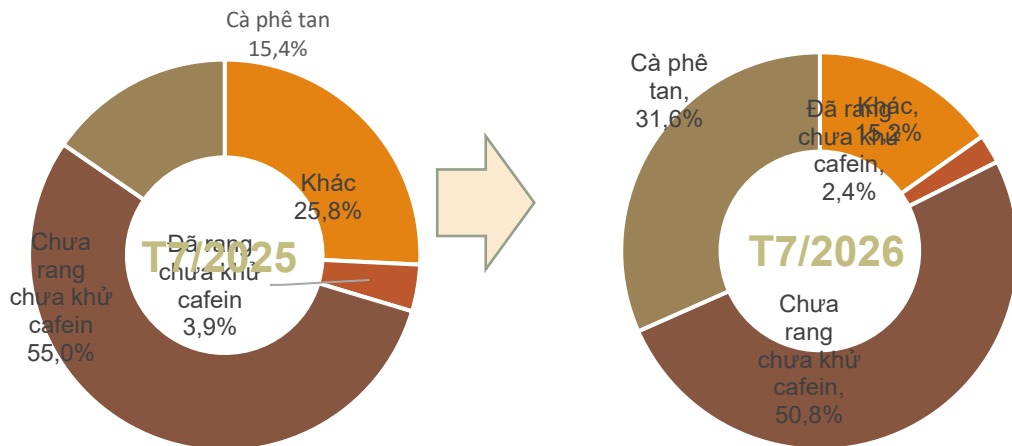
Biến động tỷ trọng giá trị cà phê VN sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



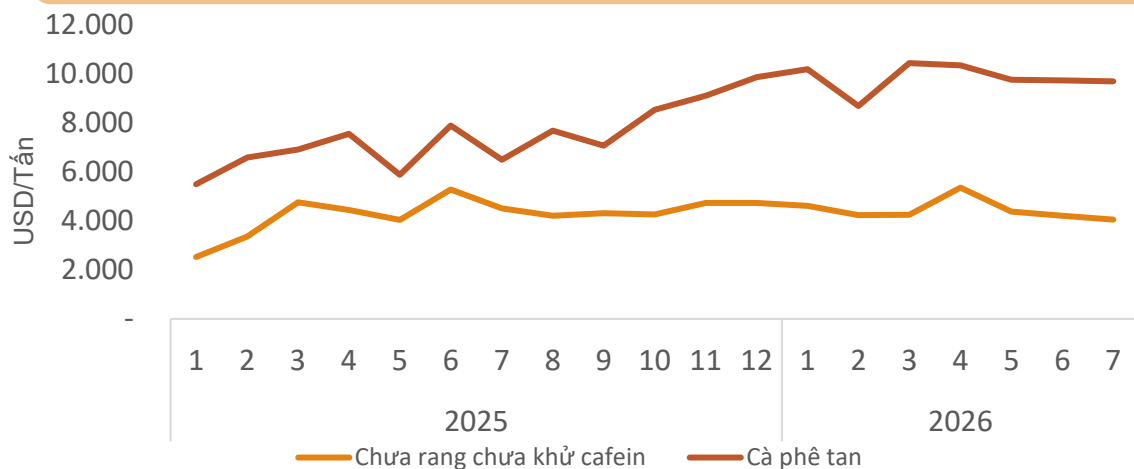


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê XK sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Nguồn: Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **12,8** Triệu USD
Giảm **44,7%** so với T6/2026
Tăng **36,9%** so với T7/2025



Cà phê tan

Kim ngạch: **8** Triệu USD
Tăng **21%** so với T6/2026
Tăng **203,8%** so với T7/2025



Đã rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **0,6** Triệu USD
Giảm **33,5%** so với T6/2026
Giảm **9,2%** so với T7/2025

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **9.680** USD/tấn, giảm **0,3%** so với tháng trước, và tăng **49,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

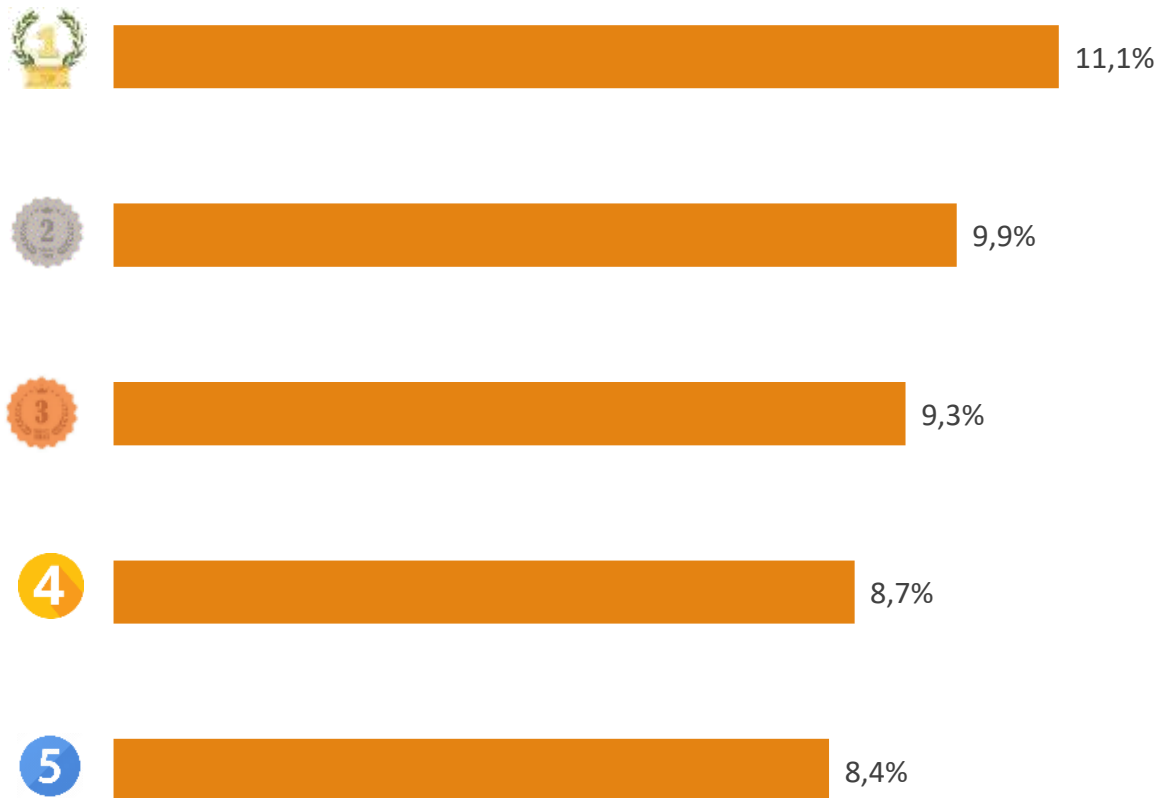
Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **4.048** USD/tấn, giảm **3,5%** so với tháng trước; và giảm **10,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

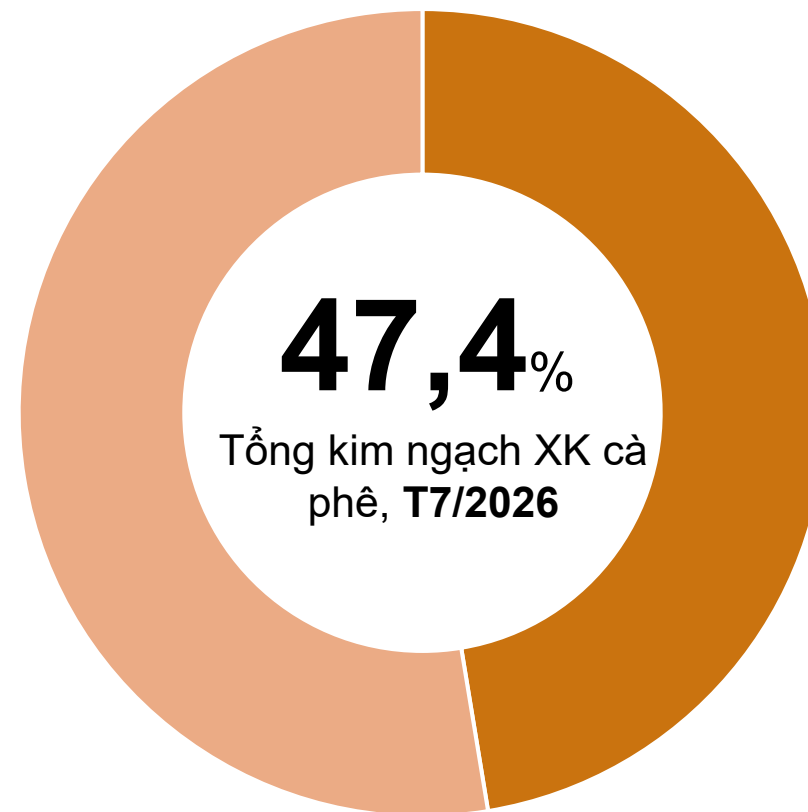


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T7/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T7/2026





CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRUNG QUỐC



Nhu cầu tiêu thụ cà phê tại Trung Quốc tiếp tục tăng nhanh, với mức tiêu thụ bình quân đầu người tăng từ 16,74 cốc năm 2023 lên 28,57 cốc năm 2025; tỷ trọng cà phê đặc sản cũng tăng từ 8% lên 31,6% trong giai đoạn 2021–2025. Thượng Hải hiện là trung tâm tiêu dùng lớn nhất, với hơn 10.300 cửa hàng cà phê vào cuối năm 2025.

Năm 2025, Trung Quốc chi khoảng 1,68 tỷ USD nhập khẩu cà phê, chủ yếu từ Brazil, Ethiopia và Colombia. Dù chưa thuộc nhóm 10 thị trường nhập khẩu lớn nhất của cà phê Việt Nam, tốc độ tăng kim ngạch và thị phần cho thấy còn nhiều dư địa mở rộng cho các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê Việt Nam.





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Trung Quốc T7/2026



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Trung Quốc T7/2026

KIM NGẠCH



2,70
Triệu USD

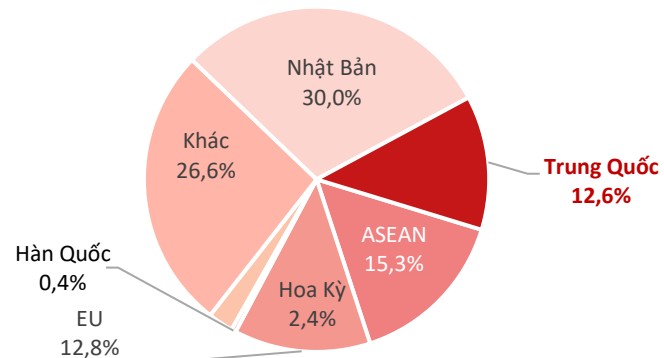
Giảm **51%** so với T6/2026

Giảm **13%** so với T7/2025

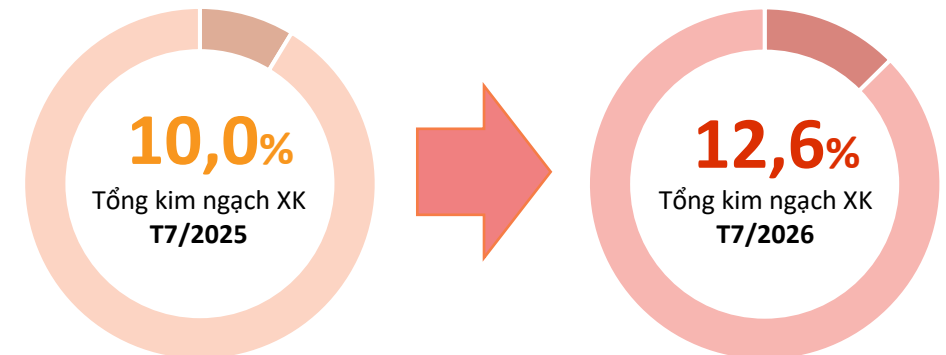
Thấp hơn **390,2 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

♦ 7 tháng đầu năm 2026 đạt **25,4 triệu USD**, đạt **91,7%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Trung Quốc T7/2026



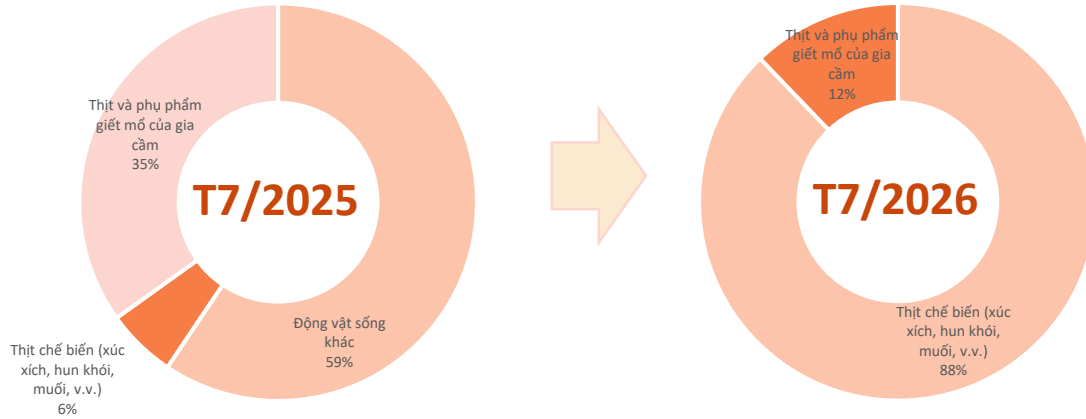
Biến động tỷ trọng giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Trung Quốc T7/2026



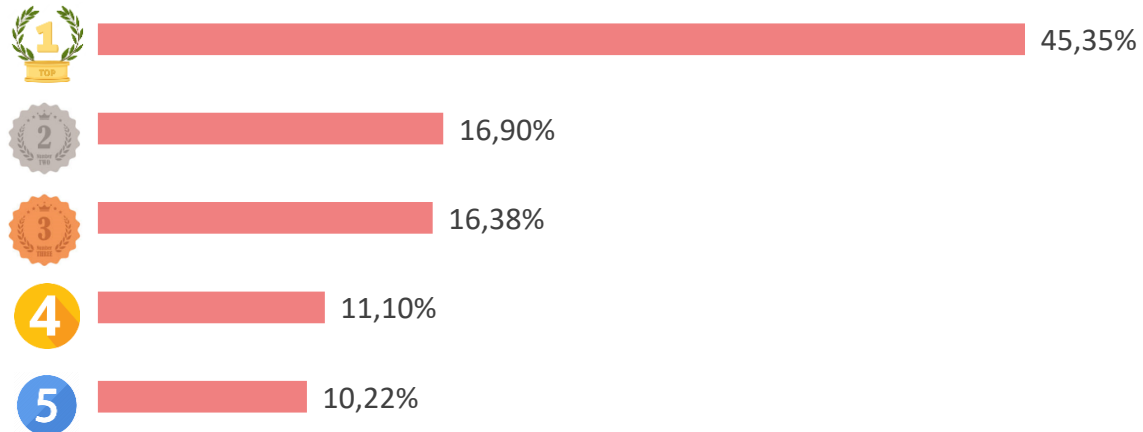


THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc T7/2026



TOP 4 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất sang thị trường Trung Quốc T7/2026



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Trung Quốc T7/2026



Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm

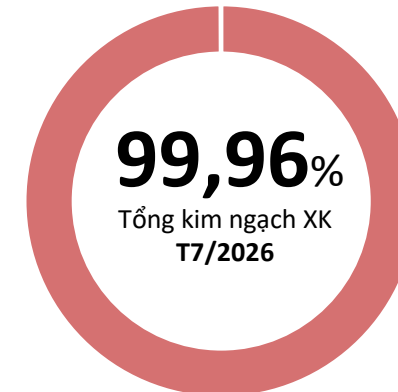
Kim ngạch: **329,4** triệu USD
Giảm **51,2%** so với T6/2026
Giảm **69,7%** so với T7/2025



Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, ...)

Kim ngạch: **2,37** triệu USD
Giảm **50,7%** so với T6/2026
Tăng **13,4 lần** so với T7/2025

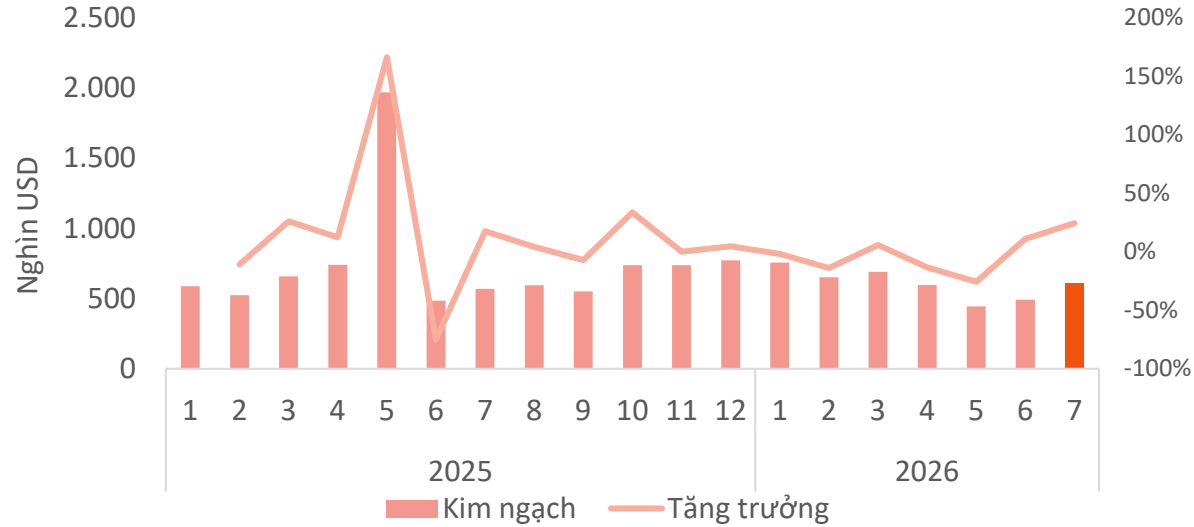
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 4 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc T7/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (NK)

Giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Trung Quốc T7/2026



Kết quả nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Trung Quốc T7/2026

KIM NGẠCH



443,4
Nghìn USD

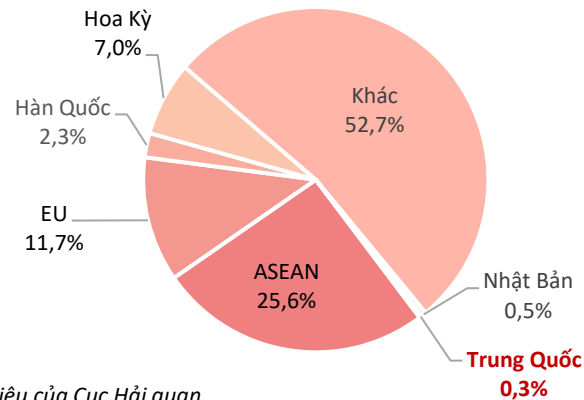
Giảm **25,8%** so với T6/2026

Giảm **77,5%** so với T7/2025

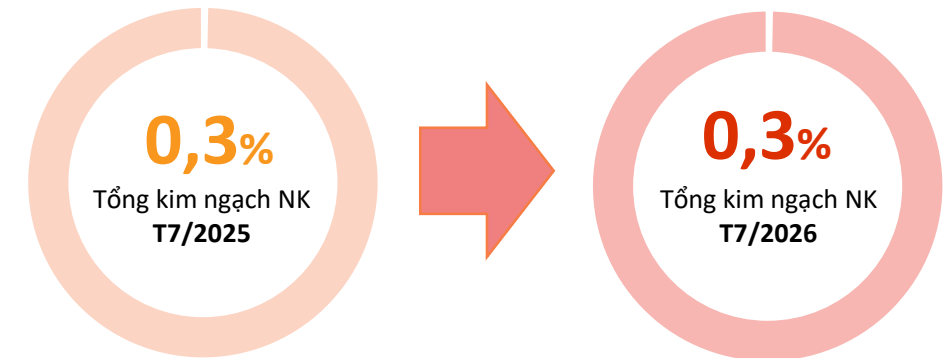
Thấp hơn **300,3 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

♦ 7 tháng đầu năm 2026 đạt **3,13 triệu USD**, đạt **35,2%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Trung Quốc T7/2026



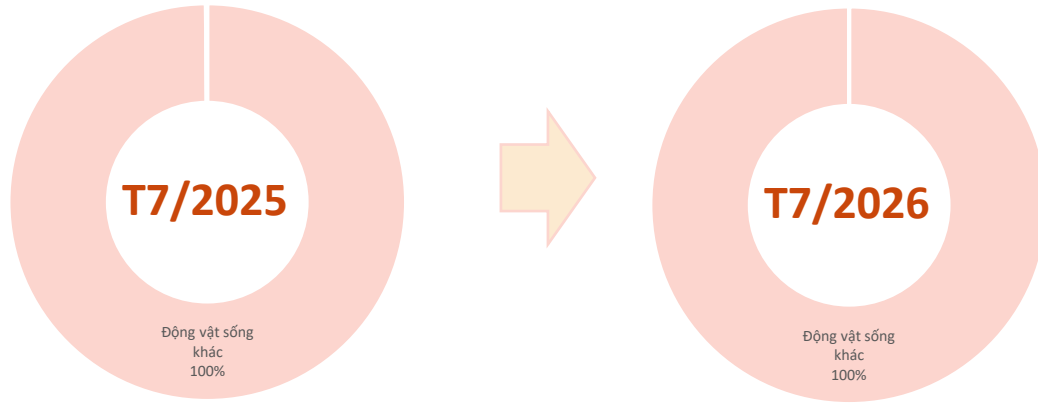
Biến động tỷ trọng giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam thị trường Trung Quốc T7/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (NK)

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc T7/2026



Kết quả nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Trung Quốc T7/2026



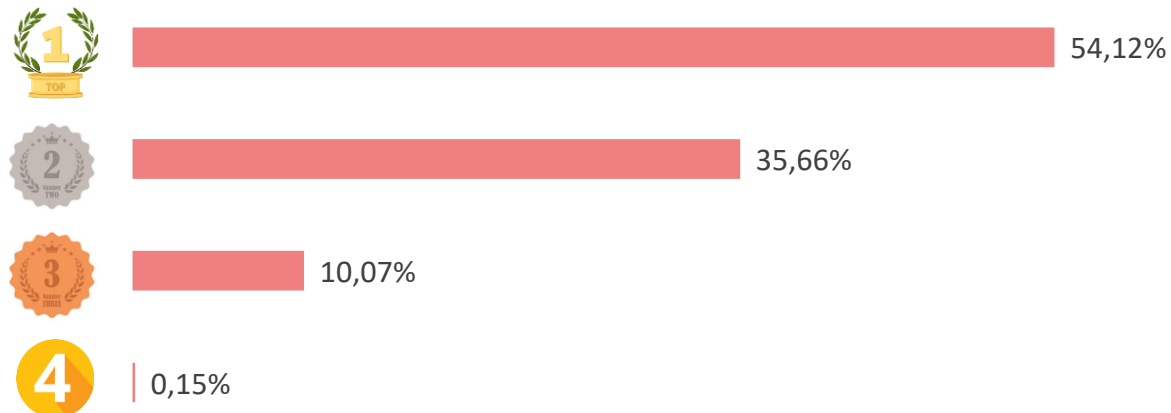
Động vật sống khác

Kim ngạch: 612,1 nghìn USD

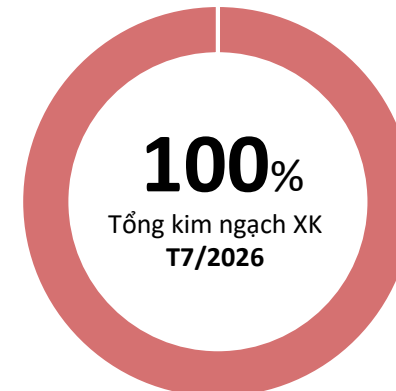
Tăng 22,4% so với T6/2026

Tăng 7,5% so với T7/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch nhập khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất từ thị trường Trung Quốc T7/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp nhập khẩu lớn nhất từ thị trường Trung Quốc T7/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỊT VÀ SP TỪ THỊT TRUNG QUỐC



Trong tháng 8/2026, giá lợn sống tại Trung Quốc tăng nhẹ so với tháng trước, từ 10,38 RMB/kg đầu tháng lên 10,87 RMB/kg cuối tháng, tương đương tăng 4,72%. Diễn biến giá chủ yếu theo xu hướng tăng trong nửa đầu tháng và điều chỉnh nhẹ vào cuối tháng.

Nguyên nhân chủ yếu do thời tiết nóng ẩm làm gián đoạn vận chuyển và thu hẹp nguồn cung tạm thời, trong khi nhu cầu thịt bán lẻ cải thiện và các lò mổ tăng thu mua. Tuy nhiên, về cuối tháng, người chăn nuôi đẩy mạnh xuất bán sau khi giá phục hồi, khiến nguồn cung tăng trở lại và giá giảm nhẹ.

Mặc dù tỷ lệ giá lợn/ngũ cốc được cải thiện nhờ giá ngô giảm, hoạt động chăn nuôi vẫn chưa có lãi. Trong ngắn hạn, nguồn cung còn dồi dào được dự báo sẽ hạn chế khả năng tăng mạnh của giá; giá lợn trong tháng 9 nhiều khả năng dao động quanh mức 11 RMB/kg.

Nguồn: sunsirs.com



Tin liên quan



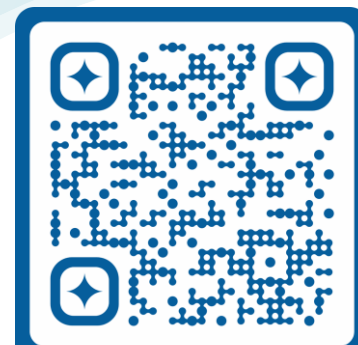
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo